



TẠP CHÍ

THỦY SẢN

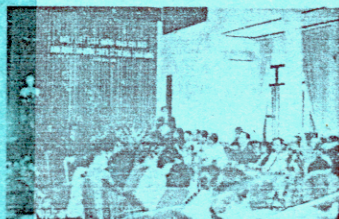
M.2

CƠ QUAN CỦA
BỘ THỦY SẢN

Số 6

2000

ISSN 0866710

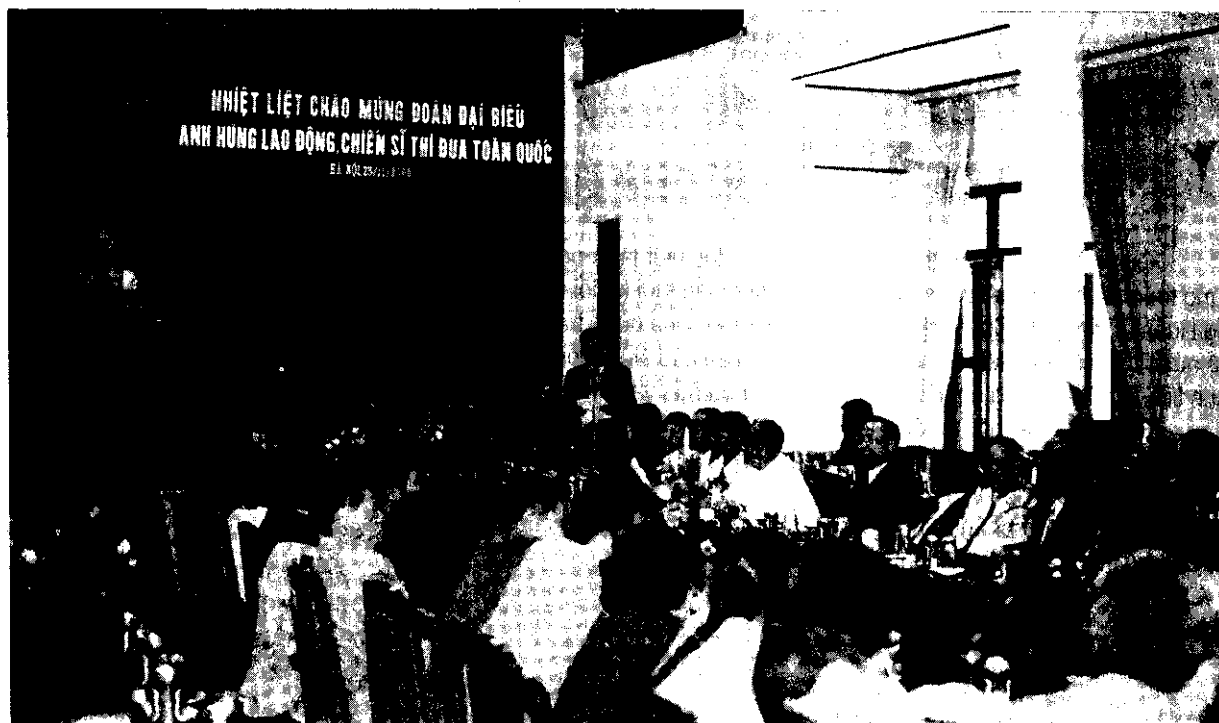


- BỘ THỦY SẢN GẶP MẶT ANH HÙNG CHIẾN SĨ THI ĐUA TOÀN QUỐC
- CUỘC DIỄN TẬP TÌM KIẾM CỨU NẠN CHUYÊN NGÀNH THỦY SẢN
- MƯỜI SỰ KIỆN LỚN CỦA NGÀNH THỦY SẢN TRONG THẬP KỈ 1990 - 2000
- KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH THỦY SẢN 2001 - 2005

CW 107

BỘ THỦY SẢN

GẶP MẶT CÁC ANH HÙNG CHIẾN SĨ THI ĐUA TOÀN QUỐC



Nhân dịp Đại hội thi đua toàn quốc lần thứ VI tổ chức tại Hà Nội (từ 21-25/11/2000), chiều 23/11/2000 Bộ Thủy sản đã tổ chức cuộc gặp mặt hơn 100 đại biểu các anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc thuộc các tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Tiền Giang, Tây Ninh, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên, Ninh Thuận, Quảng Trị, Quảng Bình.

Dự buổi gặp mặt có đông đủ các đồng chí lãnh đạo Bộ, đại diện các cục, vụ, viện thuộc khối cơ quan Bộ, đại diện Công đoàn Thủy sản Việt Nam, Hiệp hội chế biến thủy sản và Hội Nuôi trồng thủy sản.

Đồng chí Tạ Quang Ngọc, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ thủy sản thay mặt lãnh đạo Bộ nhiệt liệt chào mừng các anh hùng chiến sĩ thi đua đến thăm Bộ Thủy sản, giới thiệu với các đại biểu chặng đường 40 năm phát triển của ngành thủy sản và những thành tích toàn ngành trong 11 tháng vừa qua của năm 2000, đặc biệt là

thành tích vượt qua ngưỡng xuất khẩu 1 tỷ USD, vượt qua mốc kế hoạch 1,9 triệu tấn tổng sản lượng trong tháng 10 và tháng 11 vừa qua.

Thứ trưởng Nguyễn Ngọc Hồng, trưởng ban thi đua Bộ Thủy sản cũng đã báo cáo với các đại biểu thành tích thi đua của ngành trong chặng đường 15 năm đổi mới, giới thiệu về các đơn vị anh hùng, các cá nhân anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc của ngành thủy sản tham dự Đại hội thi đua toàn quốc lần thứ VI.

Các đại biểu cũng đã thăm phòng truyền thống của ngành thủy sản, xem phim tư liệu 40 năm trưởng thành và phát triển của ngành, tham dự cuộc tọa đàm thân mật và giao lưu văn hoá. Trong buổi tọa đàm, các đại biểu đã giới thiệu phong trào thi đua, những tấm gương lao động, anh hùng chiến sĩ thi đua của địa phương mình. Ý kiến của đại biểu cũng đã phát biểu những cảm tưởng tốt đẹp với ngành và với Bộ Thủy sản ■

TAI ĐẠI HỘI THI ĐUA TOÀN QUỐC LẦN THỨ VI

NGÀNH THỦY SẢN CÓ:

• 10 ĐƠN VỊ ANH HÙNG

• 3 CÁ NHÂN ANH HÙNG

• 12 CHIẾN SĨ THI ĐUA TOÀN QUỐC

Qua 40 năm trưởng thành và phát triển đặc biệt là trong thời kì đổi mới 1986-2000, ngành thủy sản đã đạt những thành tích thi đua xuất sắc. Ghi dấu chặng đường thời kì đổi mới, năm 1990, toàn ngành đã được nhà nước trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh cao quý. Năm 2000, Nhà nước trao tặng một giải thưởng Hồ Chí Minh, 2 giải thưởng Nhà nước cho các nhà khoa học thuộc Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản I và Viện nghiên cứu Hải sản về những thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Đặc biệt, Đại hội thi đua toàn quốc lần thứ VI tổ chức tại Cung Văn hóa Hữu nghị - Hà Nội từ 21 đến 25/11/2000, ngành thủy sản đã có 10 đơn vị anh hùng, 3 cá nhân anh hùng, 12 chiến sĩ thi đua toàn quốc tham dự. Đó là các anh hùng, đơn vị anh hùng, các chiến sĩ thi đua toàn quốc có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kì đổi mới (1986-2000) góp phần quan trọng làm nên những thắng lợi của ngành thủy sản, những năm qua đưa ngành thủy sản trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn.

• 10 ĐƠN VỊ ANH HÙNG

1. Công ty quốc doanh đánh cá Kiên Giang.
2. Công ty XNK thủy sản An Giang (AGIFISH).
3. Nhà máy đóng tàu Sông Đào, Nam Hà, tỉnh Nam Định.
4. Công ty chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải, Hải Phòng.
5. Công ty XNK thủy đặc sản (Seaspimex).
6. Xí nghiệp chế biến thủy súc sản xuất khẩu Cần Thơ (Cafatex).
7. Công ty thực phẩm xuất nhập khẩu tổng hợp Sóc Trăng (Fimex).
8. Công ty XNK thủy sản miền Trung (Seaprodux Đà Nẵng).
9. Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I.
10. Công ty chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau (Camimex).

• 3 CÁ NHÂN ANH HÙNG

1. Nguyễn Văn Tân, nguyên giám đốc Công ty QĐ đánh cá Kiên Giang, hiện là Phó chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang.
2. Nguyễn Thị Hồng, thuyền trưởng tàu TG-2032TS, Tiền Giang.
3. Lê Trọng Cừ, giám đốc nhà máy đóng tàu Sông Đào, Nam Hà, Nam Định.

• 12 CHIẾN SĨ THI ĐUA TOÀN QUỐC

1. Nguyễn Tử Cương, Giám đốc Trung tâm kiểm tra chất lượng và vệ sinh thủy sản (Nafiqacen).
2. Nguyễn Hưng Điển, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu thủy sản III.
3. Huỳnh Văn Gành, Giám đốc Sở thủy sản Kiên Giang.
4. Phạm Mạnh Hoạt, Giám đốc Công ty XNK thủy sản miền Trung, thuộc Tổng công ty TSVN.
5. Võ Văn Kiều, Thuyền trưởng tàu HD 170. Công ty quốc doanh đánh cá Kiên Giang.
6. Nguyễn Quốc Khánh, Giám đốc C.ty PTNLTS, Phó giám đốc C.ty XNK thủy sản miền Trung.
7. Lê Văn Năm, Giám đốc Công ty quốc doanh đánh cá, Kiên Giang.
8. Hồ Quốc Lực, Giám đốc Công ty thực phẩm XNK tổng hợp Sóc Trăng.
9. Trần Đình Sơn, Giám đốc C.ty DVKT thủy sản Vũng Tàu, thuộc TC.Ty Hải sản Biển Đông.
10. Chu Văn Tích, Quyền Chánh thanh tra Bộ Thủy sản.
11. Ngô Văn Tĩnh, Phó giám đốc nhà máy đóng tàu Sông Đào, Nam Định.
12. Châu Minh Tâm, Giám đốc Công ty XNK thủy sản Kiên Giang.

TÌM KIẾM CỨU NẠN NGƯỜI VÀ TÀU THUYỀN ĐÁNH CÁ NHIỆM VỤ ĐƯỢC NGÀNH THỦY SẢN THƯỜNG XUYỀN QUAN TÂM

LTS: ĐƯỢC SỰ CHỈ ĐẠO CỦA UBQG TÌM KIẾM CỨU NẠN, NGÀY 13/11/2000, LẦN ĐẦU TIÊN NGÀNH THỦY SẢN TỔ CHỨC CUỘC DIỄN TẬP PCLB & TKCN TẠI QUY NHƠN - BÌNH ĐỊNH. THAM GIA CUỘC DIỄN TẬP CÓ HÀNG CHỤC TÀU THUYỀN CỦA NGƯ DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH, BỘ ĐỘI BIỂN PHÒNG, HẢI QUAN, BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH BÌNH ĐỊNH, CÁC SỞ VH TT, GTVT, CÔNG AN, Y TẾ, HỘI CHỮ THẬP ĐỎ CÙNG CÁC BAN NGÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH. ĐẠI DIỆN UBND, SỞ THỦY SẢN, CHI CỤC BVNLTS CỦA 25 TỈNH, THÀNH CÓ BỜ BIỂN TỪ QUẢNG NINH ĐẾN KIÊN GIANG ĐÃ VỀ DỰ.

ĐỒNG CHÍ TRƯNG TƯỚNG NGUYỄN VĂN HIỆU, ỦY VIÊN TRUNG ƯƠNG ĐẢNG, THỨ TRƯỞNG QUỐC PHÒNG, PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC UBQG TKCN; VÀ ĐỒNG CHÍ NGUYỄN NGỌC HỒNG, THỨ TRƯỞNG THỦY SẢN, TRƯỞNG BAN PCLB & TKCN BỘ THỦY SẢN ĐÃ TRỰC TIẾP CHỈ ĐẠO CUỘC DIỄN TẬP.

TẠP CHÍ THỦY SẢN GIỚI THIỆU BÀI VIẾT CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN NGỌC HỒNG VỀ CUỘC DIỄN TẬP NÀY.

◆ **NGUYỄN NGỌC HỒNG**

Thứ trưởng Bộ Thủy sản

Trưởng ban Chỉ huy PCLB & TKCN Bộ Thủy sản



Quang cảnh buổi diễn tập TKCN chuyên ngành thủy sản tại Quy Nhơn, Bình Định

ẢNH: VŨ HUY THỦ

Nước ta nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa, thường xuyên phải hứng chịu các diễn biến bất thường của thời tiết, đặc biệt là bão, lốc, áp thấp nhiệt đới. Qua thống kê cho thấy, trung bình hàng năm có từ

9-10 cơn bão, áp thấp nhiệt đới đổ bộ hoặc có ảnh hưởng trực tiếp đến nước ta. Bão và áp thấp nhiệt đới từ biển Đông và Thái Bình Dương đổ bộ vào các vùng biển, ven biển nước ta gây ra gió xoáy mạnh liệt và

mưa lớn, kèm theo lũ, lụt, triều cường gây thiệt hại nghiêm trọng đến người và tài sản của nhân dân, đặc biệt là ngư dân các vùng ven biển. Tàu thuyền hoạt động trên biển gặp bão, áp thấp nhiệt đới, không tránh trú kịp thời sẽ gặp những thảm họa không thể lường hết được. Đặc biệt, cơn bão số 5 (Linda) đổ bộ vào các tỉnh nam Trung Bộ và đồng bằng sông Cửu Long vào tháng 11 năm 1997 đã cướp đi hàng nghìn mạng người và hàng nghìn tàu thuyền bị chìm, bị phá hủy. Tổn thất to lớn này không bao giờ bù đắp nổi. Vậy nên, đẩy mạnh sản xuất đi đôi với không ngừng đề cao cảnh giác, tăng cường công tác theo dõi, phòng tránh thiên tai, đồng thời phải sẵn sàng chuẩn bị chu đáo về mọi mặt, đảm bảo sự hiệp đồng tác chiến chặt chẽ, đồng bộ, linh hoạt giữa các lực lượng, kịp thời ứng cứu có hiệu quả khi thiên tai ập đến theo phương châm "bốn tại chỗ" là một nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên của ngành thủy sản.

Thực hiện kế hoạch phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn năm 2000, Bộ Thủy sản đã phối hợp với Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn và Ủy ban nhân dân

tỉnh Bình Định tổ chức diễn tập tìm kiếm cứu nạn chuyên ngành thủy sản năm 2000 tại thành phố Quy Nhơn vào ngày 13/11/2000.

Đây là lần đầu tiên ngành thủy sản chủ trì tổ chức cuộc diễn tập này ở qui mô toàn ngành và đã chọn thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định làm nơi tổ chức diễn tập vì Bình Định là một trong các tỉnh miền Trung hàng năm phải đối phó với nhiều diễn biến phức tạp của thời tiết. Bình Định có lực lượng tàu thuyền cùng đội ngũ ngư dân đông đảo, có nhiều kinh nghiệm nghề biển và kinh nghiệm đối phó với thiên tai. Đặc biệt, tỉnh Bình Định đã có kinh nghiệm qua việc tổ chức diễn tập phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn thời gian gần đây.

Được sự hỗ trợ nhiệt tình, phối hợp sát sao của Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn và của lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định, Ban chỉ huy PCLB & TKCN Bộ Thủy sản đã nhận được sự chỉ đạo kịp thời và nguồn kinh phí hỗ trợ của Ủy ban Quốc gia TKCN để tổ chức diễn tập.

Hơn 150 đại biểu bao gồm khách mời của một số bộ, ban, ngành trung ương

và đại diện các Sở Thủy sản (Sở NN & PTNT có quản lý thủy sản), Chi cục BVNLTS từ 25 tỉnh, thành phố trong cả nước đã về dự. Các cơ quan thông tấn báo chí của trung ương và địa phương đã tới dự và đưa tin, tuyên truyền kịp thời.

Tại cuộc diễn tập, Ban tổ chức đã huy động 15 tàu thuyền và hàng trăm cán bộ, thuyền viên của các đơn vị: Chi cục BVNLTS Bình Định, Xí nghiệp quản lý khai thác Yến sào, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Định, Bộ đội biên phòng tỉnh Bình Định, cảnh sát giao thông đường thủy và lực lượng ngư dân Bình Định tham gia thực hành diễn tập. Các bộ phận được phân công đã phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ từ khâu chỉ đạo, chỉ huy vận hành cơ chế đến các đơn vị và cá nhân thực hành diễn tập.

Cuộc diễn tập đã đạt kết quả tốt đẹp, thiết thực, đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu và kế hoạch đề ra, đó là:

- Cụ thể, sát thực.

- Các lực lượng tham gia diễn tập được quán triệt và huấn luyện các nội dung theo đúng ý định và kế hoạch diễn tập.

- Bảo đảm tiết kiệm, an toàn tuyệt đối về người và phương tiện trong quá



Kiểm tra trang bị an toàn đối với từng phương tiện nghề cá
ẢNH: HOÀNG MINH TUẤN

trình chuẩn bị và tham gia thực hành diễn tập.

- Tuyên truyền rộng rãi tầm quan trọng của công tác tìm kiếm cứu nạn với phương châm "bốn tại chỗ".

- Huấn luyện, nâng cao khả năng tổ chức, chỉ đạo điều hành của Ban chỉ huy PCLB & TKCN Bộ Thủy sản đến các địa phương khi có tình huống thiên tai, bão, lốc, áp thấp nhiệt đới xảy ra.

- Nghiên cứu, xác định vai trò và khả năng tham mưu, lập phương án, kế hoạch huy động và chỉ huy điều hành xử lý tình huống của cơ quan thường trực Ban chỉ huy PCLB & TKCN Bộ Thủy sản.

- Kiểm tra khả năng thực hành tìm kiếm cứu nạn của các lực lượng, khả năng tổ chức bảo đảm thông tin

chỉ huy, hiệp đồng giữa các lực lượng tham gia diễn tập của địa phương.

- Qua diễn tập tổng kết rút kinh nghiệm và bổ sung, hoàn chỉnh kế hoạch phòng chống lụt, bão và TKCN của ngành và mỗi địa phương. Phổ biến kinh nghiệm cho các địa phương ven biển sẵn sàng thường trực phòng, chống lụt bão và tổ chức TKCN đảm bảo tốt hơn, hiệu quả hơn.

Tại buổi tổng kết diễn tập, đồng chí Trung tướng Nguyễn Huy Hiệu, Thứ trưởng Bộ Quốc Phòng, Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban Quốc gia TKCN, trong bài phát biểu đã nhấn mạnh: *"Công tác chuẩn bị diễn tập của các đồng chí diễn ra trong một thời gian rất ngắn, trong điều kiện thời tiết phức*

tạp, song với sự cố gắng của tất cả các cấp, các lực lượng tham gia diễn tập và các lực lượng bảo đảm nên cuộc diễn tập TKCN chuyên ngành thủy sản (TS-2000) đã thành công tốt đẹp và bảo đảm an toàn tuyệt đối".

Tuy nhiên, đây là lần tổ chức đầu tiên với qui mô lớn nên việc tổ chức diễn tập không thể tránh khỏi sơ xuất và do đó cần được nhìn nhận và rút kinh nghiệm nghiêm túc. Những tình huống trong diễn tập này chỉ là tình huống giả định trong điều kiện thuận lợi gần bờ và có sự chuẩn bị trước. Trong thực tế sẽ có nhiều tình huống diễn biến phức tạp hơn, trong điều kiện rất khó khăn và nguy hiểm, đòi hỏi công tác tổ chức, chỉ đạo, điều hành, hiệp đồng giữa các lực lượng phải linh hoạt hơn, nhạy bén hơn và phải bảo đảm an toàn tuyệt đối, cứu được người và tài sản.

Cuộc diễn tập đã mang lại cho các tỉnh ven biển những kinh nghiệm quý báu để tự lo tổ chức diễn tập đạt kết quả tốt hơn, đáp ứng thiết thực nhất cho nhiệm vụ phòng chống, lụt bão và tìm kiếm cứu nạn chuyên ngành thủy sản, giảm đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản khi có thiên tai xảy ra ở mỗi địa phương ■

LÀ ĐỊA PHƯƠNG CÓ TIỀM LỰC THỦY SẢN LỚN

(Trích ý kiến của Thủ tướng
Phan Văn Khải tại buổi làm
việc với lãnh đạo thành phố
Hải Phòng)

Ngày 28/10/2000, Thủ tướng Phan Văn Khải và Phó Thủ tướng Nguyễn Công Tạn đã làm việc với lãnh đạo thành phố Hải Phòng về việc thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 1996-2000 và mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2001-2005. Về phát triển kinh tế thủy sản, Thủ tướng Phan Văn Khải đã kế luận:

Hải Phòng là địa phương có tiềm lực thủy sản rất lớn: ngư trường đánh bắt rộng, điều kiện nuôi trồng thuận lợi cả nước ngọt, nước lợ và nước mặn. Đặc biệt, Hải Phòng cùng với Quảng Ninh thích hợp nuôi trồng thủy đặc sản trên biển và ở nước ta đã sản xuất được giống, nhất là giống tôm, trong khi nhu cầu hải sản ở nước ta và trên thế giới rất lớn, do đó thành phố phải quyết tâm, không do dự việc khai thác nhanh và có hiệu quả vùng biển, vùng ven biển.

Đồng ý đề nghị của thành phố về đề án chợ cá quốc tế tại cảng Máy Chai và dự án khu dịch vụ hậu cần nghề cá tại huyện đảo Bạch Long Vĩ được hưởng những cơ chế ưu đãi theo Nghị định số 20/1998/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển thương mại miền núi, hải đảo■



VIỆN NGHIÊN CỨU NUÔI TRỒNG THỦY SẢN I

- CHỦ TỊCH NƯỚC TRẦN ĐỨC LƯƠNG GỬI LĂNG HOA CHÚC MỪNG
- PHÓ THỦ TƯỚNG NGUYỄN CÔNG TẠN ĐẾN DỰ

Là một trong những đơn vị khoa học trong cả nước có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kỳ đổi mới 1986-2000, vừa qua, Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I đã có dồn dập hai tin vui: Nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh cho nhóm các nhà khoa học và đơn vị Anh hùng cho tập thể Viện. Ngày 4/12/2000, Viện nghiên cứu NTTS I đã long trọng tổ chức lễ đón nhận Danh hiệu Anh hùng. Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã gửi lăng hoa chúc mừng. Đến dự có các đồng chí ủy viên TƯ Đảng: Phó Thủ tướng Nguyễn Công Tạn, Phó trưởng Ban kinh tế Trung ương Nguyễn Tấn Trịnh, Bộ trưởng Thủy sản Tạ Quang Ngọc, Bí thư tỉnh ủy Lai Châu Lò Văn Cuốn; các đồng chí lãnh đạo của các cơ quan ban ngành TW, vụ, viện của Bộ Thủy sản, UBND tỉnh Bắc Ninh, huyện Từ Sơn, xã Đình Bảng nơi Viện đặt trụ sở, cùng các viện, trường, các nhà khoa học, các học sinh sinh viên, các đơn vị mà Viện đã có quan hệ hợp tác những năm qua.

Báo cáo của Viện trưởng Trần Mai Thiên đã ôn lại chặng đường 40 năm phát triển của Viện và chỉ ra hướng phấn đấu của Viện trong những năm tới.

Phó Thủ tướng Nguyễn Công Tạn thay mặt Chính phủ đã trao bằng Anh hùng lao động, gắn huy hiệu lên cơ truyền thống của Viện.

Buổi lễ thực sự là ngày hội lớn của các nhà khoa học ngành thủy sản■

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ CƠ QUAN BỘ THỦY SẢN

Thực hiện kế hoạch triển khai đại hội các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, ngày 1/12/2000, Đảng bộ cơ quan Bộ thủy sản đã tiến hành Đại hội đại biểu. 95 đại biểu đại diện cho 256 đảng viên của 20 Đảng bộ, chi bộ thuộc Đảng bộ đã về dự đại hội.

Khách mời của Đại hội có các đồng chí đại diện Ban chấp hành Đảng bộ khối kinh tế Trung ương, Ban cán sự Đảng Bộ Thủy sản, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Bộ Thủy sản, Công đoàn Thủy sản Việt Nam.

Đồng chí Nguyễn Ngọc Hồng, bí thư đảng ủy Đảng bộ cơ quan Bộ Thủy sản đã trình bày báo cáo tổng hợp ý kiến tại các đại hội đảng bộ, chi bộ cơ sở tham gia đóng góp cho các văn kiện trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX; báo cáo của Ban chấp hành trình Đại hội đại biểu khối cơ quan kinh tế Trung ương lần thứ III; báo cáo kết quả triển khai thực hiện tự phê bình và phê bình theo tinh thần nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) tại đảng bộ cơ quan Bộ Thủy sản; báo cáo một số nội dung chủ yếu tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm 1996-2000 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2001-2005 của ngành thủy sản.

Đồng chí Tạ Quang Ngọc, ủy viên Trung ương Đảng, bí thư Ban cán sự Đảng Bộ Thủy sản, đồng chí Nguyễn Thị Kim Ngân, ủy viên thường vụ BCH Đảng bộ khối kinh tế Trung ương đã phát biểu ý kiến đóng góp với Đại hội. Đại hội cũng đã nghe gần 20 tham luận và ý kiến phát biểu của các đảng bộ và chi bộ cơ sở đóng góp vào các văn kiện của Đảng, đã thông qua Nghị quyết của Đại hội và bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng khối kinh tế Trung ương gồm 3 đại biểu chính thức và 1 đại biểu dự khuyết.

10 SỰ KIỆN NỔI BẬT CỦA NGÀNH THỦY SẢN TRONG THẬP KỶ 90 (1990-2000)

1. Ngành Thủy sản được Nhà nước phong tặng Huân chương Hồ Chí Minh (1990).
2. Thành lập Công đoàn Thủy sản Việt Nam (10/1992).
3. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ V (khoá VII) xác định: "Xây dựng thủy sản thành ngành kinh tế mũi nhọn" (1993).
4. Kết thúc năm 1994 hoàn thành kế hoạch 5 năm (1991-1995) trước thời hạn 1 năm. Tổng sản lượng 1.211.496 tấn/ 1.200.000 tấn kế hoạch. Xuất khẩu 458,2 triệu USD/450 triệu USD kế hoạch.
5. Quyết định 173/TTg lấy ngày 1/4 hàng năm là ngày truyền thống ngành thủy sản. (1995)
6. Thành lập Quỹ Nhân đạo Nghề cá (17/12/1996).
7. NQ 03/BCT (6-5-1993) và Chỉ thị 20CT/TW (22-9-1997) đã mở hướng phát triển ba chương trình kinh tế lớn của ngành thủy sản.
8. Bão số 5 (11/1997) gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngành (3.520 tàu thuyền bị chìm; 87 chiếc mất tích, 646 người chết; 2.811 người mất tích; 15.079 ha nuôi trồng thủy sản bị hại. Ngay sau bão Đảng và Nhà nước đã chỉ đạo ngành thủy sản phát huy tự lực tự cường của ngư dân, nhanh chóng khắc phục hậu quả và phục hồi sản xuất.
9. Đại hội thi đua toàn ngành thủy sản (13,14/7/2000) tiến tới Đại hội thi đua toàn quốc lần thứ VI (21-25/11/2000). 10 đơn vị anh hùng, 3 cá nhân anh hùng, 12 chiến sĩ thi đua toàn quốc ngành thủy sản được tuyên dương đã tham dự Đại hội. Nhà nước trao tặng 1 giải thưởng Hồ Chí Minh, hai giải thưởng Nhà nước cho các cụm công trình của các nhà khoa học ngành thủy sản.
10. Ngày 1/10/2000 ngành thủy sản vượt qua con số kỷ lục 1 tỷ USD xuất khẩu. Ngành cũng vượt mức kế hoạch 1.940.000 tấn tổng sản lượng thủy sản trước thời hạn 60 ngày. Nhân sự kiện vượt ngưỡng 1 tỉ USD, Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã gửi thư chúc mừng ngành thủy sản■

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH THỦY SẢN THỜI KÌ 2001 - 2005

(Trích báo cáo Đại hội Đảng bộ Bộ Thủy sản)

I. PHƯƠNG HƯỚNG

1.1. Phát huy tiềm năng và thế mạnh của biển, các vùng nước ngọt, lợ, tiềm lực lao động, khả năng hợp tác quốc tế, kết hợp liên ngành nông lâm thủy lợi, du lịch... để phát triển sản xuất kinh doanh thủy sản theo cơ chế thị trường, dưới sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đưa thủy sản thành ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước nhà.

1.2. Sắp xếp lại nghề nghiệp khai thác ven bờ, chuyển mạnh cơ cấu sang khai thác xa bờ, xây dựng các mô hình sản xuất có tính hợp tác và trình độ công nghệ cao đối với vùng xa bờ. Tăng cường công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản làm thay đổi cơ cấu nông thôn vùng ven biển, bảo vệ môi trường duy trì cân bằng sinh thái ở những vùng nuôi, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường nuôi, đồng thời có biện pháp hữu hiệu phòng ngừa dịch bệnh phát sinh.

1.3. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học công nghệ tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc sử dụng và ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ trong sản xuất kinh doanh và quản lý. Nâng cao hàm lượng khoa học công nghệ trong sản phẩm cũng như trong các quyết định quản lý, thực hiện thành công 3 chương trình kinh tế ngành.

1.4. Tập trung đầu tư để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành, ưu tiên những vùng kinh tế trọng điểm, các vùng kinh tế động lực ở cả miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Đưa nhanh các công trình vào sản xuất, bảo đảm hiệu quả đầu tư.

1.5. Tăng cường cải cách hành chính, đổi mới về tổ chức bộ máy đáp ứng với các yêu cầu hiện đại về quản lý nghề cá. Tăng cường đầu tư và đổi mới một cách cơ bản công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn kỹ thuật giỏi và những người lao động nghề cá giỏi nghề. Đổi mới cơ chế đào tạo, thi tuyển, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ, tích cực tinh giản biên chế, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức năng lực, hiệu quả đáp ứng yêu cầu giai đoạn mới.

1.6. Bảo đảm an toàn sản xuất và tham gia tích cực công tác quốc phòng và bảo vệ an ninh vùng biển.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Đơn vị	2001	2005
1. Tổng sản lượng	Triệu tấn	2,1	2,45
Trong đó:			
- Đánh bắt hải sản	"	1,25	1,3
- NTTS và khai thác nội địa	"	0,85	1,15
2. Kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	1,45	2,3-2,5
3. Diện tích nuôi trồng thủy sản	1.000ha	640	800
4. Tổng vốn đầu tư cho phát triển:	Tỷ đồng	4.105,5	5.038,4
Nguồn vốn:			
- Vốn ngân sách	"	739	906
- Tín dụng ưu đãi	"	1.230	1.510
- Tín dụng thương mại	"	410	500
- Huy động	"	1.313	1.610
- Nước ngoài	"	413,5	512,4
5. Vốn đầu tư cho các chương trình			
a. Chương trình khai thác hải sản xa bờ	"	909,9	633,8
b. Chương trình phát triển NTTS	"	2.587	3.900
c. Chương trình phát triển xuất khẩu TS	"	478,6	308,6
d. Tăng cường năng lực quản lý và đào tạo	"	130	196

TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HOÁ NGÀNH THỦY SẢN NƯỚC TA

◆ NGUYỄN THÀNH HUNG

LTS: Bài viết dưới đây là luận văn của tác giả Nguyễn Thành Hưng, công tác tại VP thị uỷ Rạch Giá, Kiên Giang, đang chuẩn bị bảo vệ tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Bài viết này đã thể hiện những hiểu biết, cũng như sự trăn trở của tác giả với ngành thủy sản. Chúng tôi giới thiệu để bạn đọc tham khảo.

1. Tính tất yếu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa và ý nghĩa của nó đối với ngành thủy sản nước ta

Tiềm năng kinh tế thủy sản nước ta rất lớn, nhưng để tiếp tục duy trì và nâng cao vị trí quan trọng của nó trong nền kinh tế quốc dân, cần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH). Bởi vì, ngành thủy sản nước ta là một bộ phận có tiềm năng và vị trí lớn trong nền kinh tế quốc dân; đẩy mạnh CNH, HĐH không chỉ trang bị kĩ thuật và công nghệ tiến tiến, cải thiện điều kiện lao động, nâng cao năng lực cạnh tranh mà còn nhằm góp phần thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn, là một yêu cầu bức xúc hiện nay.

Trong những năm qua, trình độ khoa học công nghệ của ngành thủy sản nước ta tuy có bước phát triển nhưng vẫn còn thua kém các nước trong khu vực và trên thế giới, chẳng hạn: trong khai thác thủy sản phần lớn dùng phương tiện nhỏ, lao động thủ công, khai thác ven bờ, năng suất thấp, làm cạn kiệt tài nguyên; việc ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để vươn ra khai thác xa bờ còn nhiều hạn chế. Trong nuôi trồng thủy sản còn mang tính tự phát, nuôi trồng theo kinh nghiệm dân gian, theo hộ gia đình qui mô nhỏ, việc ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào nuôi trồng chưa rộng rãi, năng suất thấp, chất lượng sản phẩm nuôi chưa cao. Trong chế biến thủy sản một lĩnh vực được áp dụng nhiều tiến bộ khoa học kĩ thuật nhất, nhưng vẫn sản xuất qui mô nhỏ, phân tán, khoa học công nghệ còn lạc hậu

và thiếu đồng bộ, năng suất lao động thấp, chủng loại hàng hóa đơn điệu, sức cạnh tranh kém, chưa tạo được mối liên hoàn giữa sản xuất nguyên liệu - chế biến - tiêu thụ. Trong dịch vụ hậu cần vẫn cần có những yếu tố bất cập thiếu đồng bộ. Kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản còn nhiều yếu kém.

Vì vậy, tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH để làm chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lí từ sử dụng sức lao động thủ công sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến hiện đại, tạo ra năng suất lao động cao cho ngành thủy sản là một tất yếu, là một đòi hỏi bức xúc của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Những năm qua, CNH, HĐH đã có ý nghĩa quan trọng đối với ngành thủy sản trên tất cả các lĩnh vực:

Trong chế biến thủy sản, đã từng bước khắc phục tình trạng lao động thủ công là chính sang sử dụng máy móc công nghệ khá hiện đại và đồng bộ. Một số khoa học công nghệ mới được đưa vào sản xuất, nhờ đó kéo dài thời gian giữ chất lượng và độ tươi sống của hàng thủy sản; tạo ra nhiều chủng loại hàng hóa, trọng lượng, mẫu mã với chất lượng tốt, số lượng nhiều, giá thành hạ phục vụ yêu cầu ăn ngay, nấu ngay rất tiện dụng của người tiêu dùng và nâng cao giá trị hàng hóa thủy sản của Việt Nam, mở rộng thị trường tiêu thụ. Ví dụ: ở An Giang trước đây xuất khẩu cá ba sa dạng phi-lê

đông lạnh đạt hiệu quả thấp, nhưng khi áp dụng kỹ thuật xông khói nguội của trung tâm công nghệ và sinh học thủy sản của Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản II, đã đưa giá trị thương mại tăng từ 1,5-2 lần và mở rộng thị trường tiêu thụ. Công ty xuất nhập khẩu Kiên Giang chuyển từ công nghệ đông tiếp xúc sang đông rời nhanh IQF đã thu chênh lệch giá bán từ 0,03-0,05 USD/kg tôm đông, nếu mỗi năm sản xuất 2.000 tấn sản phẩm sẽ thu chênh lệch từ 60.000 - 100.000 USD.

Nhiều sản phẩm thủy sản trước đây không có giá trị kinh tế, nay nhờ có công nghệ chế biến tiên tiến đã tạo ra nhiều hàng hóa có giá trị kinh tế cao, thị trường được mở rộng; nhờ đó đã thúc đẩy việc nuôi trồng, khai thác thủy sản và cả trong dịch vụ hậu cần nghề cá cũng phát triển theo.

Trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, đã phát triển khá mạnh mẽ và vững chắc, từng bước đẩy lùi việc nuôi trồng manh mún, tự phát theo lối thủ công truyền thống dựa vào thiên nhiên sang nuôi trồng có qui hoạch với khoa học công nghệ hiện đại hơn; đưa diện tích từ 295.000 ha năm 1990 lên 535.000 ha năm 1999. Nếu năm 1980 sản lượng nuôi chỉ thu được chưa đầy 200 ngàn tấn thì đến năm 1998 đã tăng lên 500 ngàn tấn, năm 1999 trên 600 ngàn tấn và còn

không khả năng phát triển hơn nữa trong những năm tới.

Trong khai thác thủy sản, nhờ có khoa học công nghệ hiện đại nên có thể xác định trữ lượng và xây dựng kế hoạch khai thác hợp lý đối với từng loài thủy sản, từng vùng biển và từng mùa vụ vừa đảm bảo khai thác tối đa nguồn lợi thủy sản vừa đảm bảo khả năng tái tạo để ổn định khai thác lâu dài.

Những tàu lớn được trang bị hiện đại, có khả năng mở rộng khai thác hải sản xa bờ và hình thành nghề cá viễn dương trong tương lai. Ví dụ: nhờ áp dụng máy dò cá, máy định vị, máy thông tin liên lạc, mà hợp tác xã Vạn Xuân (Nghị Lộc, Nghệ An) năm 1995 đạt năng suất bình quân 200 tấn/năm/tàu. Việc dùng tời thủy lực thu lưới rê thay cho tời truyền cơ học đã rút ngắn được 50% thời gian thu lưới, kéo dài thời gian đánh cá. Việc cải tiến công cụ trong nghề câu vàng từ dùng lưới câu màu đỏ thay cho lưới câu thông thường đưa năng suất khai thác cao hơn 90%; sử dụng câu sợi đơn thay cho dây câu sợi xẻ đã làm tăng sản lượng 3 lần cho vùng nước sâu 200-300m và 4 lần cho vùng nước nông hơn.

Trong dịch vụ hậu cần nghề cá, nhờ có trang thiết bị hiện đại và ứng dụng khoa học công nghệ mới đã mở ra nhiều ngành nghề mới phục vụ các khâu nuôi trồng, khai thác, chế biến với chất lượng tốt hơn; cung cấp nhiều phương tiện phục vụ nuôi trồng công nghiệp, công nghệ sửa tàu thuyền, sản xuất ngư lưới cụ phát triển, hệ thống cảng cá được đầu tư nâng cấp hiện đại hơn.

Quá trình thực hiện CNH, HĐH, đã



Tàu đánh cá ở Kiên Giang

ẢNH: PV

từng bước làm cho lực lượng sản xuất của ngành thủy sản phát triển, thay đổi những công nghệ lạc hậu thiếu đồng bộ bằng những công nghệ mới khá hiện đại; tạo ra nhiều chủng loại hàng hoá với chất lượng và mẫu mã tốt hơn, thị trường từng bước được mở rộng; các lĩnh vực nuôi trồng, khai thác và dịch vụ hậu cần nghề cá phát triển sôi động hơn, làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành thủy sản; phát huy được thế mạnh kinh tế vùng ven biển, hải đảo; hình thành một số khu công nghiệp mới và mạng lưới dịch vụ ở vùng nông thôn ven biển, thu hút nhiều lao động vùng này; góp phần làm tăng kim ngạch xuất khẩu, tích lũy vốn phát triển kinh tế, giữ vững độc lập tự chủ về kinh tế; góp phần tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống ngư dân, giảm áp lực di dân đến các đô thị, tạo nên sự gắn kết giữa nông thôn và thành thị, củng cố khối liên minh công nông, góp phần thực hiện công tác an ninh - quốc phòng tuyến ven biển và hải đảo của Tổ Quốc.

2. Mục tiêu và phương hướng công nghiệp hóa, hiện đại hoá ngành thủy sản thời gian tới

Mục tiêu của CNH, HĐH ngành thủy sản và nông thôn ven biển thời gian tới là nhằm:

- Phát huy những giá trị truyền thống kết hợp với khoa học công nghệ hiện đại để đưa nghề cá nước ta từ sản xuất nhỏ phân tán, tăng trưởng nhờ thế mạnh của nghề cá nhân dân trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, có khả năng thương mại cao, có công nghệ tiên tiến hiện đại, có giá trị xuất khẩu lớn, tạo tích lũy cao và ổn định, đóng góp lớn cho nền kinh tế quốc dân.

- Nhằm góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành thủy sản hướng về xuất khẩu, kết hợp khai thác hải sản vùng gần bờ với xa bờ, nuôi trồng với chế biến một cách hợp lý đồng bộ, đảm bảo vệ sinh môi trường sinh thái ổn định, khai thác bền vững lâu dài.

- Tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống dân cư, đưa vùng ven biển, hải đảo nước ta tiến lên văn minh hiện đại.

- Tạo lập thể trận quốc phòng toàn

dân và an ninh nhân dân vùng biển và hải đảo, làm chỗ dựa cho nhân dân hoạt động khai thác hải sản.

Để thực hiện có hiệu quả mục tiêu trên, CNH, HĐH ngành kinh tế thủy sản phát triển *theo hướng*:

Tập trung vào chương trình đánh bắt xa bờ, hiện đại hóa theo hướng nuôi thâm canh; từng bước hiện đại hóa chế biến thủy sản đi liền với nâng cao năng lực quản lý tiếp thị; xây dựng một số DNNN và phân công một số lực lượng vũ trang làm nhiệm vụ đánh bắt và dịch vụ hậu cần, làm chỗ dựa cho ngư dân bám biển dài ngày đánh bắt khơi xa; điều chỉnh, sắp xếp lại cơ cấu nghề cá, hoán đổi nghề cá gần bờ; hạn chế đóng mới tàu nhỏ, khuyến khích đóng mới tàu lớn khai thác khơi xa; đầu tư có trọng điểm cho nghề khơi, ưu tiên cho những vùng trọng điểm nghề cá; tăng cường công tác dự báo và trang bị phương tiện cứu sinh, thông tin liên lạc mỗi khi tàu thuyền ra khơi; chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến cho ngư dân những kiến thức và phương pháp phòng tránh thiên tai trên biển. Tiếp tục hoàn thiện và xây dựng mới kết cấu hạ tầng nghề cá ở ven bờ và các đảo lớn. Xây dựng các trọng điểm hậu cần - chế biến - dịch vụ - thương mại ở Cát Bà, Cà Mau, Tắc Cậu, Phan Thiết. Phát triển mạnh và rộng khắp các hình thức kinh tế hợp tác trong đánh bắt và nuôi trồng. Thành lập các tổ ngư dân vay vốn đóng tàu đi khơi. Tổ chức hợp tác xã hoặc tổ hợp tác đánh cá xa bờ và nuôi trồng thủy sản. Hướng dẫn và khuyến khích chủ nậu vừa phát huy mặt tích cực, nhất là trong đầu tư mua sắm ngư cụ hiện đại, đóng mới tàu thuyền, thu hút lao động, trả công lao động xứng đáng, được ngư dân đồng tình.

3. Một số giải pháp tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành thủy sản

Thứ nhất, tiếp tục đẩy mạnh việc nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ trực tiếp phục vụ nghề cá, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ khai thác chế biến thủy sản, hiện đại hóa khí tượng thủy sản; bảo đảm khoa học công nghệ đi trước một bước

tạo động lực và tiền đề phát triển kinh tế thủy sản có hiệu quả cao và bền vững. Chú ý xây dựng hệ thống chính sách thúc đẩy khoa học công nghệ phát triển và lôi cuốn hoạt động khoa học công nghệ vào công cuộc CNH, HĐH ngành thủy sản. Nhà nước cần dành một phần ngân sách đầu tư nâng cấp các cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ của ngành thủy sản như các viện, trường, trạm, trại để các cơ sở này nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu thử nghiệm và chuyển giao công nghệ mới cho các doanh nghiệp trực tiếp nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy sản; đồng thời, có chính sách khuyến khích các cơ sở nghiên cứu khoa học và các doanh nghiệp tăng cường hợp tác quốc tế trong việc đào tạo, chuyển giao công nghệ mới; mở rộng liên doanh liên kết với những nước có trình độ khoa học công nghệ cao trong lĩnh vực thủy sản để tiếp thu kỹ thuật mới. Bên cạnh đó, Nhà nước cần có những chính sách cụ thể ưu đãi cho lực lượng cán bộ làm công tác khoa học công nghệ để khuyến khích, động viên họ có nhiều đóng góp hơn đưa khoa học công nghệ thành động lực trực tiếp thúc đẩy ngành thủy sản phát triển theo hướng CNH, HĐH.

Thứ hai, thực hiện tốt chính sách huy động vốn và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn. Cần nắm vững nguyên tắc độc lập, tự chủ, tự cường để vừa phát huy cao độ nguồn lực trong nước, vừa có chính sách mở rộng, hấp dẫn hơn để thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào phát triển ngành kinh tế thủy sản. Đối với nguồn vốn trong nước, có thể huy động bằng các hình thức: thu hút vốn từ các thành phần kinh tế; sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên để tạo vốn; phát triển thị trường chứng khoán; liên kết giữa các địa phương, các ngành, các thành phần kinh tế bằng nhiều hình thức, đặc biệt là hình thức công ty cổ phần. Đối với vốn nước ngoài, chú trọng các nguồn vốn ODA, FDI, vay nợ.... Tập trung giải ngân nhanh, cung cấp đủ nguồn vốn đối ứng; phát triển hình thức hợp tác điều tra nguồn lợi thủy sản, phát triển nuôi trồng, khai thác vùng biển xa bờ, nghiên cứu chuyển giao công nghệ... để thu hút nguồn vốn nước ngoài. Ngoài ra cần khuyến khích

người Việt Nam ở nước ngoài góp vốn, chuyển giao công nghệ, bằng nhiều hình thức, đặc biệt thông qua con đường thân nhân để tham gia phát triển kinh tế thủy sản nước ta.

Thứ ba, tăng cường đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Phát triển ngành thủy sản theo hướng CNH, HĐH đòi hỏi phải có con người có trình độ khoa học kỹ thuật để sử dụng những công cụ hiện đại vào sản xuất. Muốn vậy phải đào tạo, đặc biệt càng cấp bách hơn khi cộng đồng nghề cá ven biển nước ta trình độ còn rất thấp (10% mù chữ, 70% chỉ đạt trình độ tiểu học, 15% hết cấp phổ thông cơ sở, 2% hết cấp phổ thông trung học). Do vậy, một mặt cần tập trung vào việc nâng cao dân trí, phấn đấu phổ cập cấp 2 bằng nhiều hình thức cho nhân dân vùng biển; mặt khác, bằng các hình thức thông tin, tuyên truyền báo chí chú ý nâng cao kiến thức cho ngư dân về các lĩnh vực: tổ chức khai thác, quản lý, bảo quản, chế biến sản phẩm sau thu hoạch để phục vụ ba chương trình lớn của ngành thủy sản hiện nay là: khai thác hải sản xa bờ, phát triển nuôi trồng thủy sản và chế biến xuất khẩu. Đẩy mạnh đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, công nhân lành nghề cho các doanh nghiệp ngành thủy sản. Chú ý các loại hình đào tạo cả tại chức và tập trung để đáp ứng yêu cầu cán bộ cho trước mắt cũng như lâu dài. Nghiên cứu cải tiến chế độ đãi ngộ đối với thuyền viên, thủy thủ, cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ giáo dục, y tế, lực lượng vũ trang công tác tại vùng biển xa.

Thứ tư, về mặt quản lý vĩ mô của nhà nước cần có qui hoạch và chính sách cụ thể để hạn chế việc sử dụng lãng phí nguồn tài nguyên thủy sản, gây ô nhiễm môi trường, chặt phá rừng ngập mặn... đồng thời có những qui chế chặt chẽ về công nghệ cũng như những chính sách kinh tế khuyến khích việc áp dụng các loại công nghệ sạch và tiết kiệm tài nguyên.

Ngoài ra, hình thành những trung tâm đô thị và khu công nghiệp ven biển để hỗ trợ cho ngành kinh tế thủy sản phát triển ■

VỀ TÌNH HÌNH THIẾT HẠI DO LŨ, LỤT GÂY RA ĐỐI VỚI NGÀNH THỦY SẢN Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

LTS: Ngày 8/11/2000, Bộ Thủy sản đã có công văn số 3296/BC-BTS báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thiệt hại do lũ lụt gây ra với ngành thủy sản. Tạp chí Thủy sản trích đăng báo cáo trên để giới thiệu cùng bạn đọc.

I. TÌNH HÌNH THIẾT HẠI

Tính đến ngày 16/10/2000 tình hình thiệt hại của các tỉnh cụ thể như sau:

- Thành phố Hồ Chí Minh: Diện tích nuôi trồng thủy sản bị ngập 316,3ha; 20 bè cá bị trôi, 21 tấn thịt cá bị mất. Ước thiệt hại 994 triệu đồng.
- Long An: Diện tích nuôi trồng thủy sản bị ngập 985 ha, 80 bè cá bị trôi ước thiệt hại 24.496 triệu đồng.
- Tiền Giang: Diện tích nuôi trồng thủy sản bị ngập: 1.347 ha. Ước thiệt hại 11.025 triệu đồng.
- Đồng Tháp: Diện tích nuôi trồng thủy sản bị ngập 1.502 ha; 34 bè cá bị trôi; 250 triệu cá giống; 2.957 tấn cá thịt, 40 tấn cá bố mẹ bị mất. Ước thiệt hại 52.363 triệu đồng.
- An Giang: Diện tích nuôi trồng thủy sản bị ngập 760ha; 23 bè cá bị trôi; 5 triệu con cá giống; 2.455 tấn cá thịt bị mất. Ước thiệt hại 21.214 triệu đồng.
- Cần Thơ: Diện tích nuôi trồng thủy sản bị ngập 1.500 ha (toàn bộ cá, tôm bị mất); 7 bè nuôi cá bị trôi. Ước thiệt hại 15.000 triệu đồng.
- Vĩnh Long: Diện tích nuôi trồng thủy sản bị ngập: 670 ha; 212,4 tấn cá thịt bị mất. Ước thiệt hại 1.700 triệu đồng.
- Kiên Giang: Diện tích nuôi trồng thủy sản bị ngập 6.512 ha; 412 tấn cá và 300 tấn tôm thịt bị mất. Ước thiệt hại 77.070 triệu đồng.

Thiệt hại ước tính: 203.862 triệu đồng.

II. CHỈ ĐẠO KHẮC PHỤC HẬU QUẢ DO LŨ, LỤT GÂY RA

1/ Công tác chỉ đạo

- Đã tổ chức trực ban 24/24 giờ, theo dõi chặt chẽ tình hình lũ, lụt.

- Đã có 3 công điện số 20 ngày 3/8, số 37 ngày 22/9 và số 47 ngày 11/10 yêu cầu Giám đốc các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (có quản lý thủy sản) chỉ đạo ngành thủy sản khẩn

trường triển khai phương án phòng, chống lũ, lụt và có biện pháp khắc phục hậu quả do lũ gây ra.

2/ Vận động phong trào ủng hộ nhân dân vùng bị lũ, lụt

Tính đến ngày 31/10/2000 ngành thủy sản đã vận động cán bộ công nhân viên chức và lao động ngành thủy sản ủng hộ đồng bào các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long được:

- Quyên góp tại khối Văn phòng Bộ Thủy sản ngày 25/9/2000: 18.254.000 đồng và 126 USD.

- Các đơn vị gửi về Công đoàn Thủy sản Việt Nam (cơ quan thường trực Quĩ Nhân đạo Nghề cá Việt Nam): 28.522.200 đồng.

Các đơn vị gửi về Ủy ban Mặt trận tổ quốc các địa phương 442.171.962 đồng và 108 thùng mì, 200 kg gạo, 80 kg quần áo cũ.

- Ngày 2/10/2000 Quĩ nhân đạo nghề cá Việt Nam đã trích số tiền là 55 triệu đồng gửi qua Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam để cứu trợ đồng bào sông Cửu Long.

- Ngày 12/10/2000, Quĩ nhân đạo nghề cá Việt Nam quyết định chi hỗ trợ tiếp cho cán bộ công nhân viên chức, lao động ngành thủy sản Kiên Giang bị lũ, lụt nặng nề số tiền là 5.000.000 đồng.

- Từ ngày 6 đến ngày 9/10/2000, Thứ trưởng Bộ Thủy sản, Chủ tịch Công đoàn Thủy sản Việt Nam, Nguyễn Việt Thắng trong chuyến đi giải quyết hậu quả lũ, lụt đã trực tiếp đi thăm hỏi 7 tỉnh miền Nam là: Long An, Đồng Tháp, An Giang, Cần Thơ, Vĩnh Long, Tiền Giang, Kiên Giang và đã thay mặt Bộ Thủy sản chuyển đến các địa phương số tiền 180 triệu đồng từ nguồn kinh phí khuyến ngư. Cũng trong dịp này, Tổng công ty thủy sản Việt Nam và Tổng công ty Hải sản Biển Đông đã chuyển 351,4 kg lưới bện và 100 chiếc xuống (bảng tiến mặt là 50 triệu đồng) cho các địa phương nói trên.

- Quĩ nhân đạo nghề cá Việt Nam cấp 800 chiếc phao trong kế hoạch 11.000 phao cứu sinh trợ giá

50% của Bộ Thủy sản.

Tổng hợp số tiền và hiện vật các đơn vị trong ngành đã ủng hộ đồng bào đồng bằng sông Cửu Long là 718.948.162 đồng và 108 thùng bì, 200 kg gạo, 80 kg quần áo cũ.

III. CÁC GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC TRONG THỜI GIAN TỚI

Bộ Thủy sản chỉ đạo các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (có quản lý thủy sản) các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long thực hiện các nội dung:

1/ Xác định mức thiệt hại do lũ, lụt gây nên đối với ngành thủy sản của địa phương

- Kiểm kê tất cả các cơ sở sản xuất cá giống, tôm giống, các cơ sở sản xuất thức ăn, các cơ sở chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá kể cả những nơi không bị thiệt hại trong tỉnh để xác định mức thiệt hại và đánh giá năng lực hiện có làm căn cứ cho việc điều chỉnh và triển khai thực hiện các biện pháp khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo phục vụ đủ giống, thức ăn và các nhu cầu khác cho nuôi trồng thủy sản.

- Kiểm tra số lượng cá giống, số lượng đàn cá giống bố mẹ các loại hiện có như cá tra, cá ba sa, cá lóc, he vàng, bống tượng, trê, rô phi, mè vinh, mè trắng..., xác định khả năng tự giải quyết con giống tại chỗ cho nhu cầu nuôi ngay sau khi nước rút và tính toán số lượng con giống thiếu hụt để có kế hoạch bổ sung kịp thời. Những tỉnh bị thiệt hại không nhiều về con giống và không bị mất cá bố mẹ, cần đổi thực trạng lượng giống của mình, đăng ký số lượng có thể hỗ trợ và có kế hoạch giúp đỡ hoặc bán con giống, cá bố mẹ cho các tỉnh bị thiệt hại nhiều và báo cáo về Bộ Thủy sản để điều phối chung.

2/ Tập trung khôi phục các cơ sở sản xuất thủy sản để nhanh chóng đưa sản xuất trở lại bình thường

- Khôi phục những cơ sở sản xuất giống bị thiệt hại.

+ Với các trại giống thuộc doanh nghiệp Nhà nước, dùng vốn ngân sách, vốn vay, các nguồn lực của địa phương để khẩn trương tu bổ những phần hư hại của trại giống. Bổ sung đàn cá bố mẹ cho các trại bằng hình thức mua hoặc nhận hỗ trợ từ các tổ chức, địa phương trong vùng và lân cận. Tiến hành nuôi vỗ đàn cá bố mẹ để điều hoà con giống nhằm đáp ứng cao nhất nhu cầu giống thủy sản của nhân dân để nuôi ngay sau khi nước rút.

+ Với các cơ sở sản xuất giống thuộc thành phần kinh tế khác, thực hiện hỗ trợ bù một phần giá cho những cơ sở phải mua cá bố mẹ để phục hồi sản xuất từ quỹ hỗ trợ khắc phục hậu quả lũ, lụt; thực hiện các chính sách hỗ trợ vùng lũ lụt và các chính sách khuyến

khích giống thủy sản theo qui định của Chính phủ.

+ Các Viện nghiên cứu, Trung tâm nghiên cứu thủy sản, các trường đào tạo của ngành thủy sản có cơ sở nghiên cứu thực nghiệm, khai thác khả năng sản xuất của đàn cá bố mẹ hiện có để sản xuất giống hỗ trợ cho các tỉnh bị lũ, lụt.

+ Cần tăng cường công tác quản lý chất lượng con giống, kiểm dịch khi điều phối vận chuyển điều phối từ vùng này sang vùng khác.

- Chỉ đạo, vận động bà con nông dân nuôi thủy sản khẩn trương sau khi nước rút:

+ Tu sửa bờ ao, đầm, cống, nạo vét ao, hầm, mương, sửa chữa lồng bè, vệ sinh khử trùng môi trường để chuẩn bị vụ nuôi mới.

+ Tăng cường chăm sóc những đàn cá còn giữ được để nâng cao sản lượng, nhất là cá tra, cá ba sa nuôi lồng bè nhằm cung cấp nguyên liệu cho xuất khẩu.

- Tăng cường các hoạt động khuyến ngư thông qua tập huấn kỹ thuật sản xuất giống, kỹ thuật nuôi, xử lý môi trường, phòng trừ dịch bệnh; xây dựng các mô hình trình diễn, cung cấp tài liệu kỹ thuật và thông tin cần thiết để nhân dân vận dụng vào sản xuất.

3/ Có phương án bảo vệ sản xuất lâu dài

Trên cơ sở đã xác định được cột nước dâng cao nhất năm nay so với cao trình từng điểm để chọn các giải pháp kỹ thuật cho nuôi trồng thủy sản trong vùng lũ.

- Đối với khu vực tương đối cao, độ ngập không lớn, cần hướng dẫn ngư dân đắp bờ bao mỗi khi có điều kiện như lợi dụng nạo vét ao đầm, đào kênh mương để đắp cao bờ bao như một số hộ nông nghiệp đã làm để bảo vệ hoa màu rất có hiệu quả.

- Với những vùng trũng cần hướng dẫn ngư dân tính toán chọn đối tượng nuôi, phương thức nuôi, thời vụ nuôi và thời điểm thu hoạch cho phù hợp để đảm bảo thu hoạch trước thời điểm nước lũ về sớm. Nên chọn phương thức nuôi thâm canh hoặc bán thâm canh, thả giống cỡ lớn để có năng suất, hiệu quả cao và nhanh được thu hoạch.

- Trên cơ sở thực tiễn mấy năm vừa qua, đặc biệt là lũ, lụt xảy ra trong năm 2000, các tỉnh cần rà soát bổ sung lại qui hoạch kinh tế xã hội, qui hoạch thủy lợi gắn với kinh tế xã hội, qui hoạch thủy lợi gắn với nuôi trồng thủy sản theo tinh thần Nghị quyết số 09/2000/NQ-CP ngày 15/6/2000 của Chính phủ về một số chủ trương và chính sách về chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp để hạn chế thấp nhất thiệt hại do lũ, lụt gây ra và phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững■

MẠNH DẦN LÊN

TRONG NHỮNG NĂM ĐỔI MỚI



Nằm ở địa bàn huyện Yên Hưng (Quảng Ninh) nơi có nhiều tiềm năng, thế mạnh: nuôi trồng, đánh bắt, chế biến hải sản xuất khẩu. Song trong nhiều năm, nghề cá của Quảng Ninh nói chung, sản xuất của Công ty Xuất khẩu thủy sản 2 Quảng Ninh nói riêng gặp nhiều khó khăn, lúng túng trong việc mở hướng phát triển.

Vào năm 1993-1994 vay vốn khó khăn, để đáp ứng yêu cầu sản xuất Công ty đã huy động vốn của cán bộ công nhân đóng góp (do công đoàn quản lý) xây dựng một, rồi hai nhà máy sản xuất nước đá. Việc này mang tính đột phá với tinh thần tự lực, vừa có đủ đá chế biến sản phẩm, công nhân có thêm việc làm, có thêm lợi nhuận từ đồng vốn đã góp. Rồi những năm tiếp theo để phát triển sản xuất Công ty tiếp tục đầu tư nhiều tỉ đồng để nâng cấp và xây dựng thêm nhà máy (từ nhà máy 1 nay có thêm nhà máy 2) mua thêm trang thiết bị kĩ thuật: lắp đặt dây chuyền chế biến tôm đông rời, tăng thêm kho lạnh, phương tiện vận tải chuyên dùng, lắp đặt thiết bị phòng vi sinh để đảm bảo tự kiểm

tra sản phẩm xuất khẩu; cải tạo cảnh quan vệ sinh môi trường nơi sản xuất... tham gia Công ty liên doanh nuôi cấy ngọc trai với Nhật Bản trên vịnh Hạ Long, Bái Tử Long đạt hiệu quả cao trong kinh doanh và giải quyết việc làm cho trên 300 lao động. Để có thêm năng lực thu mua nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm Công ty đặt thêm cơ sở ở thành phố Hạ Long và thị xã Móng Cái để ngày đêm bám biển thu mua nguyên liệu, sơ chế sản phẩm... tạo hiệu quả xuất khẩu hải sản vào thị trường Trung Quốc. Để tạo thế chủ động hơn nữa về nguyên liệu, cuối năm 1999 và năm 2000 Công ty tiếp tục đầu tư cơ sở nuôi tôm công nghiệp rộng 110ha tại xã Tân An (Yên Hưng) trong đó có 10ha nuôi tôm sú bằng phương pháp công nghiệp (kĩ thuật của Trung Quốc). Xây dựng trại nuôi tôm sú giống để cung cấp cho các cơ sở trên địa bàn tạo thêm vùng nguyên liệu gắn với sản xuất của công ty; đồng thời tổ chức kinh doanh hàng nhập khẩu phục vụ sản xuất chuyên ngành (giá trị nhập khẩu khoảng 500 ngàn USD trong năm 2000).

Cùng với quá trình đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật công nghệ cao để tạo ra nhiều sản phẩm được khách hàng ưa chuộng và đòi hỏi, công ty đã đặc biệt quan tâm đào tạo tay nghề bằng nhiều hình thức cho cán bộ công nhân, tạo cho họ có thể làm chủ công nghệ mới, phát huy hiệu quả trong sản xuất kinh doanh; tổ chức huấn luyện tại chỗ, thi thợ giỏi chọn "bàn tay vàng" tại cơ sở, tham gia thi với ngành; cho đi học các lớp HACCP và GMP do Bộ Thủy sản mở; tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm ở đơn vị bạn cùng ngành nghề trong và ngoài nước (năm 1999 công ty đã chi trên 70 triệu đồng cho công tác đào tạo). Đặc biệt ba bốn năm gần đây dưới hình thức xuất khẩu lao động, hàng năm có từ 50 đến 100 lao động của công ty đã sang các công ty chế biến hải sản của Nhật (có quan hệ với công ty) để lao động (đây là doanh nghiệp duy nhất ở Quảng Ninh làm được việc này). Sau một hai năm số lao động này trở về nước mang theo hàng trăm triệu tiền công lao động (thu nhập của họ ở Nhật 10 triệu VN đồng/tháng) và những kiến thức, tay nghề, tác phong công nghiệp học được ở nước bạn về tiếp tục phục vụ cho công ty. Giám đốc công ty Ngô Duy Thực còn cho biết thêm: với kinh nghiệm và mối quan hệ có từ nhiều năm, năm nay và các năm sau công ty có thể xuất khẩu sang thị Nhật Bản và cả Hàn Quốc, Đài Loan mỗi năm vài trăm lao động.

Nhờ đổi mới công nghệ và nâng cao tay nghề cho công nhân, mặt hàng xuất khẩu của công ty ngày càng phong phú. Từ hai mặt hàng truyền thống là tôm và mực đông, nay có tới 15 chủng loại hàng khác nhau được chế biến từ các loại hải sản: tôm, mực, ghẹ, rốc, cá, sò, rau câu.... chưa kể ngọc trai, sản phẩm có được từ cơ sở liên doanh. Các mặt hàng có loại phải qua chế biến mới sử dụng được, song cũng có loại có thể "ăn liền, ăn sống" (mực sống và tôm luộc là hai sản phẩm của công ty được bán ở các siêu thị của Nhật Bản. Khách hàng Nhật Bản rất ưa chuộng hai sản phẩm ăn liền này). Thị trường xuất khẩu của công ty đi các nước cũng ngày một nhiều hơn. Từ Nhật Bản, Trung Quốc đến Đài Loan, Hàn Quốc, Hồng Kông, Xin-ga-po, Pháp, Ý,

(ngày 12/3/1999 Nhật Bản đã mời công ty tham gia giới thiệu sản phẩm tại triển lãm quốc tế về thực phẩm ở Tôkyô. Mặt hàng của công ty được khách hàng đánh giá rất cao). Đặc biệt cuối năm 1999 công ty được phái đoàn thanh tra châu Âu đánh giá và chủ động đề xuất với Bộ Thủy sản chính thức bổ sung công ty AQUAPEXCO (Công ty XNK thủy sản 2 Quảng Ninh) vào danh sách các doanh nghiệp Việt Nam được xuất khẩu sản phẩm vào thị trường châu Âu (EU) từ tháng 1/2000. Đây là doanh nghiệp chế biến thủy sản duy nhất ở phía Bắc và trong số trên 20 doanh nghiệp của cả nước có được điều kiện này. Đây là thời cơ mới để sản phẩm của công ty mở rộng sang nhiều nước Âu-Mỹ khác.

Trải qua "trận chiến" đầy cam go trong cơ chế thị trường của những năm đổi mới, công ty đã mạnh dần lên. Nhờ biết đầu tư đổi mới công nghệ có chọn lọc, từng bước thích hợp, năng động tìm kiếm thị trường thu mua nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm, kinh doanh có hiệu quả công ty đã đưa xuất khẩu thủy sản trở thành một trong những mũi nhọn kinh tế của tỉnh. 10 năm liên tục công ty hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và làm nghĩa vụ với nhà nước, năm sau cao hơn năm trước. Từ năm 1996 đến 1999 công ty đã đưa kim ngạch xuất khẩu từ 2 triệu USD/năm lên 9 triệu USD/năm. Năm 2000 công ty phấn đấu đạt 10 triệu USD (6 tháng đầu năm nay tuy chưa phải là mùa thu mua hải sản công ty cũng đã đạt doanh số trên 4,2 triệu USD). Số lao động của công ty sử dụng từ trên 100 người nay là trên 700 người và còn tiếp tăng lên trong những năm tới. Thu nhập bình quân của CNVC cũng không ngừng tăng lên. Năm 1999 thu nhập bình quân của công nhân chế biến hải sản 544 ngàn đồng/tháng, công nhân nuôi cấy ngọc trai 600 đến 700 ngàn đồng/tháng (tăng 15% so với năm 1998).

Thành tích sản xuất kinh doanh của công ty thời gian qua, được nhà nước ghi nhận bằng những phần thưởng xứng đáng: hai Huân chương Lao động hạng nhì và hạng ba. Công đoàn công ty được Liên đoàn LĐVN và Liên đoàn Lao động tỉnh tặng cờ "Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc"...■

THỦY SẢN THANH HÓA TỪ MỘT ĐỀ ÁN KHẢ THI

◆ LÊ QUYẾT

Thanh Hóa có bờ biển dài 102km với 6 cửa lạch chính rất thuận lợi cho hoạt động của các phương tiện đánh bắt hải sản, đồng thời có nhiều ao, hồ, đầm, vụng tự nhiên thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản. Từ nhiều năm nay, ngành thủy sản đã giữ một vị trí mũi nhọn trong tổng thể cơ cấu kinh tế của địa phương.

Trong khai thác hải sản, toàn tỉnh hiện có 4.024 tàu thuyền, trong đó có 3.608 chiếc gắn máy với tổng công suất 50.600CV, công suất bình quân 17,1CV/chiếc, tăng hàng năm 250-300 chiếc, có phương tiện đạt 254CV, gồm nhiều loại nghề. Ngư dân Thanh Hóa đang từng bước ra khai thác xa bờ, bám biển dài ngày ở nhiều ngư trường lớn.

Ba năm trở lại đây, sản lượng khai thác từ 25.000 tấn năm 1997, 28.000 tấn năm 1998, lên 33.300 tấn năm 1999.

Trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, toàn tỉnh có 16.500 ha (trong đó nuôi nước lợ 8.000 ha, nuôi nước ngọt 8.500 ha).

Nuôi thủy sản mặn lợ, chủ yếu là nuôi tôm xuất khẩu tập trung ở Hoằng Hóa, Quảng Xương, Hậu Lộc, Sầm Sơn, Tĩnh Gia... liên hoàn từ khâu ương giống đến quá trình nuôi tôm thịt và đang chuyển dần từ hình thức quảng canh sang nuôi quảng canh cải tiến và bán thâm canh (chiếm hơn 20% tổng diện tích) với năng suất bình quân từ 200-300kg/ha/năm, nuôi bán thâm canh đạt 800kg/ha.

Nuôi thủy sản nước ngọt được phục hồi và phát triển từ năm 1995. Đã xuất hiện nhiều mô hình làm kinh tế giỏi với hình thức nuôi cá lồng bè trên sông, hồ ao với nhiều đối tượng nuôi mới có giá trị kinh tế cao. Thanh Hóa mỗi năm sản xuất 500 - 600 triệu con cá bột và 60 - 70 triệu cá giống sản lượng đạt 6.000 tấn/năm, nuôi trồng đã chiếm tỉ lệ đáng kể trong tổng sản lượng khai thác toàn ngành.

Chế biến thủy sản với những mặt hàng xuất khẩu truyền thống, trong đó con tôm là chủ lực (chiếm hơn 65% tổng giá trị hàng thủy sản xuất khẩu) đã góp phần tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu thủy sản mỗi năm. Các sản phẩm mực, cua, cá đông, tôm có tỉ trọng tương xứng trong tổng sản phẩm xuất khẩu, trong đó tôm đông 300 tấn, mực đông lạnh 150 tấn, cá đông lạnh 50 tấn và cá ướp đá 4.200 tấn.

Giá trị kim ngạch xuất khẩu của thủy sản chế biến tăng nhanh từ 4,2 triệu USD năm 1995 lên 12 triệu USD năm 1999.

Tổng số lao động thủy sản trên địa bàn Thanh Hóa là 39.500 người, trong đó lao động khai thác hải sản 27.500 người, lao động nuôi trồng thủy sản 550 người, chế biến thủy sản 1.500 người, đóng sửa tàu thuyền 2.000 người và dịch vụ hậu cần 500 người. Trong tổng số lao động kể trên thì hộ gia đình và cá thể chiếm tới 95%.

Nhờ được quyền sử dụng mặt nước ổn định lâu dài và được hỗ trợ vay vốn, nghề cá nhân dân ngày càng phát triển. Quan hệ sản xuất nghề cá được đổi mới, trong đó

khai thác lấy thủy sản nghề, nuôi trồng lấy hộ gia đình, nhóm hộ làm đơn vị kinh tế tự chủ.

Trong quá trình phục hồi và phát triển, thủy sản Thanh Hóa đang phải đương đầu với nhiều khó khăn, trở ngại, trong đó nổi cộm lên những vấn đề:

Ngành thủy sản hiện vẫn chưa hoàn chỉnh qui hoạch tổng thể phát triển nghề cá ở từng cơ sở và phạm vi toàn tỉnh.

Thực trạng nghề cá vẫn mang tính chất sản xuất nhỏ, chưa thoát ra khỏi được thế thụ động: Đánh bắt chủ yếu tập trung ở ven bờ, năng suất và sản lượng thấp, làm suy giảm, cạn kiệt nguồn lợi, ô nhiễm môi trường và phá hỏng hệ sinh thái biển. Các nghề khơi mới chiếm khoảng 14% tổng số thủy sản. Công suất phương tiện đạt rất thấp (chủ yếu là máy dưới 33CV chiếm tới 70% tổng số); chiếm vốn, kĩ thuật lạc hậu đã cản trở việc mở rộng khai thác ở những ngư trường xa. Diện tích nuôi trồng mới khoảng vùng được hơn 6.000 ha, chiếm hơn 50% tổng diện tích mặt nước tự nhiên, chưa tương xứng với tiềm năng. Các hạn chế về áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật và thiếu một qui hoạch đồng bộ từ khâu sản xuất giống đến các vùng nuôi tập trung chuyên canh vẫn chưa được khắc phục.

Mặt hàng chế biến phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng nội địa còn nghèo về chủng loại, chất lượng chưa cao, thị trường tiêu thụ còn hẹp, cơ sở vật chất kĩ thuật và hậu cần dịch vụ chưa đồng bộ. Bến cảng, cầu cảng thiếu thốn. Trình độ công nghệ chế biến còn lạc hậu, nhà xưởng xuống cấp, công suất khai thác thiết bị thấp.

Việc tổ chức, sắp xếp lại sản xuất kinh doanh theo hướng đổi mới còn lúng túng. Vai trò chủ đạo của các doanh nghiệp Nhà nước chưa được thực sự phát huy năng suất lao động và hiệu quả kinh tế thấp. Đội ngũ cán bộ quản lí và khoa học kĩ thuật, công tác bồi dưỡng đào tạo và đào tạo lại cán bộ chưa được quan tâm đúng mức.

Chuyển biến chậm trong việc thực thi chính sách xã hội đối với vùng biển và hải đảo. Tốc độ tăng dân số nhanh và ảnh

hưởng thiên tai, bão lụt đối với một bộ phận dân cư vùng ven biển cũng là những nguyên nhân hạn chế khả năng khai thác các nguồn lợi biển.

Trong "Đề án tổng quan phát triển năm 2000" Thanh Hóa xác định những mục tiêu: Tổng sản lượng khai thác 36.000 tấn, nuôi trồng mặn lợ 6.000 tấn, nuôi nước ngọt 7.000 tấn, kim ngạch xuất khẩu đạt 14 triệu USD.

Ngành thủy sản đã đề ra những biện pháp và các dự án cụ thể nhằm phát triển nhanh nghề khai thác xa bờ, đưa công nghệ sinh học vào khâu sản xuất giống, áp dụng triệt để hình thức nuôi quảng canh cải tiến và bán thâm canh, tăng năng lực chế biến thủy sản, thu hút, giải quyết việc làm cũng như nguồn thu nhập ổn định cho khoảng 40.400 lao động địa phương.

Giải pháp nào?

Đó là câu hỏi đặt ra cho những nhà quản lí ngành thủy sản Thanh Hóa. Chỉ tính sơ bộ vốn đầu tư xây dựng cơ bản 236.558 triệu đồng. Song vốn ở đâu? Đó là vấn đề cấp bách mà ngành thủy sản Thanh Hóa đang tìm mọi cách tháo gỡ.

Những năm qua, sự hỗ trợ của Nhà nước, Bộ chủ quản, UBND tỉnh đã góp phần đáng kể vào quá trình phát triển và khẳng định vị thế mũi nhọn của ngành thủy sản. Nhưng trong điều kiện ngân sách có hạn thì việc tận dụng, huy động nhiều nguồn vốn là yếu tố quyết định để phát triển, bên cạnh đó là việc nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ mới và tăng cường công tác khuyến ngư, tổ chức lại sản xuất - quản lí nghề cá trên cơ sở chuyên môn hóa kết hợp với mở rộng liên doanh, liên kết, tạo ra một qui trình sản xuất khép kín từ khâu khai thác, nuôi trồng đến chế biến, dịch vụ hậu cần và xuất khẩu....

Để biến ý tưởng thành hiện thực là cả một quãng đường dài phấn đấu. Với những kết quả khả quan bước đầu, và những biện pháp đúng đắn. Thanh Hóa có cơ sở để tin tưởng vào triển vọng phát triển kinh tế thủy sản vững chắc trong một vài năm tới■

HẠN CHẾ HAO HỤT KHỐI LƯỢNG MỰC ỚNG TRONG BẢO QUẢN ĐÔNG BẰNG BIỆN PHÁP HÓA HỌC

◆ Thạc sỹ LÊ VĂN KHẮN
Đại học thủy sản

I. Mở đầu

Hạn chế hao hụt khối lượng của mực ống trong bảo quản đông mang lại hiệu quả kinh tế cao nhờ giảm định mức tiêu hao nguyên liệu cho một đơn vị sản phẩm.

Nghiên cứu tương quan giữa nồng độ Sodium Tripolyphosphat (STP) và thời gian xử lý tối ưu mà không làm giảm chất lượng sản phẩm có ý nghĩa khoa học và thực tiễn cao. Đối với mực đông lạnh xuất khẩu - mặt hàng đông lạnh quan trọng sau tôm - việc nghiên cứu giảm hao hụt khối lượng trong bảo quản đông là điều cần thiết.

II. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là mực ống *Loligo chinensis* khai thác ở vùng biển Khánh Hoà trong thời gian từ tháng 3 đến tháng 6.

2. Phương pháp nghiên cứu

Áp dụng phương pháp thực nghiệm, được thực hiện do quan sát sự vật, hiện tượng xảy ra trong điều kiện gây biến đổi đối tượng nghiên cứu một cách chủ định. Nhờ nghiên

cứu trên đối tượng thực, thay đổi một số thông số để xác định ảnh hưởng của chúng lên đối tượng nghiên cứu.

3. Chọn và xử lý mẫu

* Chọn mẫu:

- Đồng đều về kích thước, chất lượng tốt nhất.
- Khối lượng mẫu phù hợp với thực tế sản xuất.

* Xử lý mẫu:

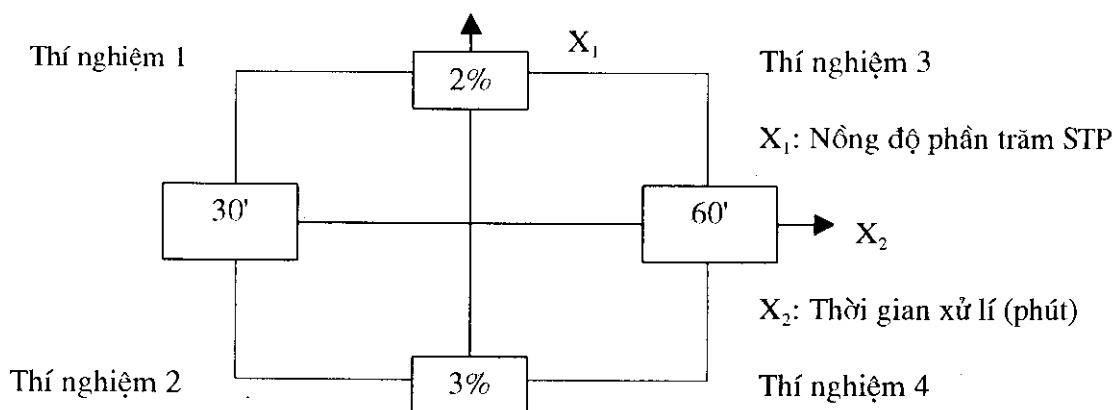
Mẫu được xử lý phù hợp với qui trình công nghệ sản xuất thực tế.

* Bảo quản mẫu:

Bảo quản theo chế độ nhiệt độ bảo quản nguyên liệu tươi ($0^{\circ}\text{C} - 5^{\circ}\text{C}$).

4. Bố trí thí nghiệm

Dựa vào các thông số ảnh hưởng là nồng độ và thời gian xử lý hoá chất để xác định số thí nghiệm. Cần tiến hành $M = 2^2 = 4$. Các thí nghiệm được mô hình hoá. Căn cứ vào giới hạn cho phép còn lại trong thực phẩm của STP, đưa ra miền giới hạn của thí nghiệm:



III. Kết quả nghiên cứu

Bằng phương pháp qui hoạch thực nghiệm, với các yếu tố phụ thuộc độc lập là nồng độ STP và thời gian xử lí, căn cứ vào giới hạn cho phép còn lại trong thực phẩm của STP, chúng tôi đưa ra miền giới hạn của

thí nghiệm: Nồng độ STP là 2% và 3%; Thời gian xử lí là 30 phút và 60 phút.

Mỗi thí nghiệm được tiến hành với các công đoạn kết hợp dung dịch mạt bằng Alginat natri. Kết quả thu được như sau (bảng)

Tỷ lệ thay đổi khối lượng của mực philê ngâm STP đem cấp đông và bảo quản

Mẫu Thời gian thí nghiệm	M ₁	M ₂	M ₃	M ₄	M ₅	M ₆	M ₇	M ₈
2% / 30 phút	2,29	3,29	1,72	3,79	3,25	0,89	3,07	2,95
3% / 30 phút	2,35	3,98	2,27	3,86	3,52	0,99	3,12	3,04
2% / 60 phút	3,26	4,57	3,33	4,47	4,02	0,97	3,71	3,59
3% / 60 phút	3,64	5,28	2,55	4,49	4,54	1,19	4,22	4,11
Mẫu đối chứng	-2,91		- 4,94			- 7,79		
Thời gian bảo quản	Sau cấp đông		4 tuần			8 tuần		

Không sử dụng biện pháp kĩ thuật nào với các mẫu đối chứng, vì vậy sau cấp đông đã xuất hiện hao hụt khối lượng. Khi thời gian bảo quản càng dài, tỉ lệ hao hụt khối lượng càng lớn.

IV. Xử lí số liệu thực nghiệm

Từ các kết quả thí nghiệm, dùng phương pháp qui hoạch thực nghiệm thu được phương trình hồi qui:

$$Y = 3,42 + 1,71 X_1 + 0,61 X_2$$

Phương trình có b₁ và b₂ đều mang dấu dương. Vì vậy khi tăng nồng độ STP hay thời gian ngâm, giá trị Y đều tăng, nhưng hệ số b₁ > b₂ cho thấy ảnh hưởng của X₁ lớn

hơn X₂, nghĩa là nồng độ STP có ảnh hưởng lớn hơn so với thời gian ngâm.

V. Kết luận

1. Ảnh hưởng của nồng độ STP lớn hơn so với thời gian xử lí hay điều kiện không làm giảm chất lượng sản phẩm.

2. Với nồng độ tối ưu của STP là 2,9% và thời gian ngâm không quá 43 phút, chất lượng sản phẩm không đổi.

3. Nhúng dung dịch Alginat natri 0,3% trước khi cấp đông, hao hụt khối lượng ít hơn so với mạt sau cấp đông.

4. Khi tăng nồng độ STP hay kéo dài thời gian ngâm quá giới hạn, chất lượng cảm quan của sản phẩm giảm mạnh.

ABSTRACT

STUDY ON CONTROLLING THE WEIGHT LOSS OF CUTTLE FISH IN COLD STORAGE

Weight loss is an important physical change in the freezing process and in frozen storage. This change depends on many factors and there have been many methods for reducing weight loss including chemical methods.

Sodium tripolyphosphate has been used to reduce weight loss in freezing and frozen storage by forming linkages between water and protein molecules. The study concerning the optimal concentration, treatment time for obtaining the best quality and quantity was conducted and presented in this report. The study had a high practical application.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG SẢN XUẤT CÁC MẶT HÀNG THỦY SẢN Ở NƯỚC TA

◆ **LÊ SỸ HẢI**

Khoa Chế biến Đại học Thủy sản

Việt Nam chúng ta là một thành viên tích cực của khối ASEAN, để tiến tới hợp nhất và giao lưu trên tinh thần "vì một ASEAN đoàn kết và phát triển", đến năm 2006, chúng ta chính thức thực hiện dỡ bỏ hàng rào thuế quan (đưa thuế nhập khẩu của các nước trong ASEAN xuống từ 0% - 5%). Theo phân tích của các nhà kinh tế "đây vừa là cơ hội, vừa là thách thức vô cùng to lớn với nền kinh tế Việt Nam" cụ thể là đối với từng mặt hàng, từng doanh nghiệp. Chính vì vậy không còn cách nào khác, chúng ta phải xác định được vị trí của từng mặt hàng ở hiện tại và tương lai của các doanh nghiệp Việt Nam so với thị trường trong và ngoài

nước, để có những điều chỉnh thích đáng nhằm đối phó với những bất ngờ, rủi ro cũng như đón nhận những cơ hội tốt đẹp do quá trình hội nhập đem lại. Mặt khác nhà nước cũng phải kịp thời định rõ những lĩnh vực nào nên đầu tư, bảo hộ, lĩnh vực nào nên cắt giảm các khoản đầu tư, và sự bảo hộ. Bởi vì đất nước ta nông nghiệp chiếm phần đa, nên việc phát huy tiềm năng về lĩnh vực chế biến nông - thủy sản là điều kiện hiển nhiên của một nước đang phát triển với chủ chương công nghiệp hóa - hiện đại hoá đất nước. Ở đây chúng tôi chỉ giới hạn đối với mặt hàng thủy sản.

Đóng góp của Thủy sản so với Nông sản

Năm	1990	1991	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998	1999
% so.với nông sản	47,7	52,1	49,5	48,1	46,3	46,3	42,3	38,2	39,7	39,2

Nhìn ở bảng trên ta thấy sự đóng góp của thủy sản so với nông sản hàng năm không phải là nhỏ. Song một điều đáng tiếc là cho đến nay các mặt hàng thủy sản xuất khẩu chủ yếu vẫn là các loại hàng thô mới qua sơ chế nên giá trị không cao. Vô hình chung chúng ta bỏ phí một lượng của cải vật chất tương đối lớn. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên thì có nhiều, song chung qui chỉ là:

- Không được đầu tư một cách thích đáng vào các nhà máy chế biến thủy sản.

- Hệ thống máy móc của các nhà máy chế biến đã xuống cấp. Đây là vấn đề tương đối bức bách, bởi các thiết bị máy móc của nhà máy chủ yếu là thời bao cấp để lại. Các phân xưởng xây dựng đã lâu nay

không còn phù hợp với sản xuất, cụ thể là không còn phù hợp về an toàn vệ sinh thực phẩm. Cũng có một số nhà máy năng động, kịp thời xây dựng và mua trang thiết bị mới, đồng thời nâng cấp các phân xưởng, áp dụng các tiêu chuẩn về vệ sinh như: GMP (thực hành sản xuất tốt), HACCP (hệ thống phân tích tại điểm kiểm soát tới hạn) hay SSOP (tiêu chuẩn vệ sinh thực phẩm) nhưng nhìn chung vẫn rất rời rạc. Mà khách hàng nước ngoài chủ yếu đến với những nhà máy đã được chứng nhận về tiêu chuẩn vệ sinh quốc tế.

Một thực tế đang đề ra cho các nhà doanh nghiệp xem xét, đó là tính thiếu đoàn kết trong sản xuất và kinh doanh, làm ăn theo kiểu chụp giật, từ đó ảnh hưởng mạnh đến uy tín của ngành thủy sản Việt Nam.

Đúng là "Con sâu bô rầu nổi canh" tuy rất ít doanh nghiệp làm ăn như vậy, song đã làm thiệt hại rất lớn về kinh tế của đất nước nói chung và ngành thủy sản nói riêng. "Mất uy tín là mất hết". Chính vì vậy, các ngành, các cấp có chức năng cần có những biện pháp nghiêm khắc để xử lý những trường hợp cố tình làm ăn chộp giật kiểu này. Vì lợi ích chung có thể chúng ta phải đóng cửa một vài doanh nghiệp âu cũng là chuyện nên làm.

- Còn một tình trạng nữa: đó là "cá lớn nuốt cá bé" những doanh nghiệp lớn có uy tín, được đầu tư, được cấp chứng chỉ quốc tế về vệ sinh, rõ ràng đơn đặt hàng phải nhiều, nhiều khi không đủ cung cấp về số lượng và chủng loại vì vùng biển Việt Nam là vùng biển nhiệt đới, nên nguyên liệu dù đa dạng song không đồng đều và không ổn định, thành ra các nhà máy nhiều khi không đáp ứng nổi số lượng mà khách hàng yêu cầu, vì uy tín lại không được từ chối, nên chấp nhận và sau đó đi tới các xí nghiệp nhỏ đặt hàng. Biết vậy họ vẫn cứ o ép về giá cả, chất lượng đối với các xí nghiệp nhỏ. Nếu không gia công thì các xí nghiệp này lấy gì trả lương cho công nhân, cho các chi phí khác (như hao mòn nhà cửa, máy móc thiết bị...). Có lẽ đã đến lúc cần phải phát huy truyền thống đức độ, sự đoàn kết của dân tộc ta, nhằm tạo ra các quan hệ tốt đẹp giữa các doanh nghiệp để hai bên cùng có lợi. Tránh tình trạng "người ăn không hết, kẻ lẫn không ra". Nhất thiết chúng ta phải tạo ra một khối thống nhất về hành động ở nhà máy chế biến.

Hiện nay, nước ta đã đứng thứ 29 trên thế giới về xuất khẩu thủy sản. Nhất là năm 1998 ngành thủy sản đã làm được một bước đột phá, đó là thâm nhập vào thị trường Mỹ. Đây không những là một thị trường rộng lớn mà còn hào phóng và nhiều tiềm năng. Hơn

nửa vị trí của các mặt hàng chế biến thủy sản trong đời sống hiện nay càng ngày càng được nâng lên, rất phù hợp với xu hướng ẩm thực chung, đó là giảm ăn các thực phẩm nhiều chất béo, tăng thực phẩm nhiều chất đạm. Có nhiều người còn cho rằng, hàng thủy sản là những loại hàng đã được tôi luyện rồi, không còn sợ cạnh tranh với các hàng ngoại khi tháo bỏ hàng rào thuế quan nữa. Điều đó nghe có vẻ hơi quá nhưng thực tình rất đúng vì lâu nay thị trường của các loại hàng này chủ yếu là nước ngoài. Để thực hiện tốt chủ trương của Đại hội Đảng lần thứ VIII coi "Thủy sản là một trong những ngành mũi nhọn của đất nước", theo chúng tôi, nên đầu tư để cải tạo lại toàn bộ hệ thống các nhà máy chế biến của chúng ta nhằm:

- Tận dụng tiềm năng nhân lực dồi dào: Với một nhà máy chế biến thủy sản bao giờ cũng cần một số lượng nhân công lớn, có tay nghề, sự cần cù, tỉ mỉ, ngoài một vài công đoạn là có thể dùng máy móc (tự động hay cơ khí hoá), còn lại phần lớn là dùng tay để thao tác thì sản phẩm có chất lượng, mẫu mã tốt hơn, tinh vi hơn. Công việc này rất thích hợp với nữ giới và nó giải quyết được một số lượng lao động lớn, góp phần làm giảm tình trạng thất nghiệp hiện nay.

- Khi hệ thống nhà máy chế biến hoạt động tốt, đồng bộ sẽ là đòn bẩy để việc nuôi trồng phát triển. Đây là một thế mạnh đối với những nước có bờ biển dài hơn ba nghìn km như nước ta. Trong thực tế, hiện nay sản phẩm xuất khẩu do nuôi trồng tạo ra chiếm 54,97%, một con số không hề nhỏ. Riêng tôm nuôi đã chiếm 22% mỗi năm. Những sản phẩm tự nuôi trồng thường cho chất tốt và số lượng đồng đều hơn sản phẩm đánh bắt, và vì thu hoạch cùng một lúc nên việc bảo quản



*Chế biến mực
tại Công ty
Chế biến và
XNK thủy sản
tươi sống*

ẢNH: PV

trước khi chế biến cũng ngăn, giảm bớt rủi ro do vi sinh vật gây nên.

+ Tuy nhiên kinh doanh, sản xuất và nuôi trồng thủy sản không những phải đầu tư lớn mà trong quá trình hoạt động, rủi ro tương đối cao nhất là nuôi trồng cho đến nay vẫn chưa có biện pháp phòng ngừa đạt tính hiệu quả ổn định lâu dài, chủ yếu vẫn dựa vào kinh nghiệm thực tế là chính nên làm nghề nuôi trồng thủy sản bây giờ người ta vẫn xem như một canh bạc chân chính. Cho dù trong nội ngành thủy sản đã có những chính sách, chủ trương hợp lý trong vấn đề đi sâu vào chuyên môn hóa, nhưng rủi ro chỉ hạn chế được phần nào. Đây là vấn đề mang tính chiến lược lâu dài, cần phải có dự án cụ thể, triển khai đồng bộ và hết sức linh động đối với địa lý và khí hậu của từng địa phương cụ thể vì đây là những yếu tố ảnh hưởng chính trong quá trình nuôi trồng thủy sản.

Hiện nay việc khai thác nguồn lợi tự nhiên so với những năm trước đây, vấn đề khai thác bừa bãi có chiều hướng giảm. Song nhìn chung đội tàu đánh bắt ở nước ta chưa được trang bị đúng tầm vóc, đánh bắt xa bờ đang còn gặp nhiều khó khăn, vì trang thiết bị lạc hậu. Nhất là tàu thuyền của ngư dân, nhiều khi lại xảy ra tình trạng "bắt cá nhỏ, trừ cá lớn" đây cũng là một bài toán khó đối với ngư dân và chính quyền địa phương.

Về phía các nhà doanh nghiệp:

- Cần trang bị cho công nhân những kiến thức cần thiết, cơ bản về an toàn vệ sinh thực phẩm. Đặc

biệt là ở khâu thu mua, vận chuyển, bảo quản. Đây là vấn đề mà lẽ ra chúng ta phải khắc phục được từ lâu rồi mới phải. Cứ nhìn con số thất thoát 10% sản lượng, 30% giá trị sản phẩm thì chúng ta sẽ thấy không thể đổ thừa cho ai ngoài ý thức thiếu trách nhiệm của mỗi doanh nghiệp, mỗi ngư dân trong quá trình đánh bắt và sản xuất kinh doanh thủy sản.

- Nhanh chóng áp dụng quản lý chất lượng theo HACCP. Thứ nhất là để mở rộng thị trường, tăng bán hàng, tăng uy tín. Thứ hai là hoàn thành mục tiêu 2005 có 100% doanh nghiệp chế biến xuất khẩu thủy sản áp dụng quản lý chất lượng theo HACCP do Bộ Thủy sản đề ra. Để đạt được điểm này phải bỏ ngay kiểu làm ăn thiếu trung thực của một thiểu số rất nhỏ như tình trạng bơm agar, tinh bột, ngâm hóa chất làm tăng khả năng ngập nước của tôm và nhiều hình thức khác. Phải biết biến các tổ chức khác (như KCS trước đây) thành những tổ chức không chỉ để kiểm tra, chứng nhận mà có thể cung cấp thông tin, hỗ trợ kĩ thuật và nghiệp vụ cũng như thực hiện các dịch vụ về chất lượng và an toàn thực phẩm cho các doanh nghiệp.

- Tiến tới, có thể thực hiện mô hình hỗ trợ vốn cho ngư dân, cho người nuôi trồng thủy sản, để có được nguồn nguyên liệu bảo đảm chất lượng đồng bộ và đều đặn.

- Tăng cường hơn nữa việc đi sâu vào chuyên môn hóa để tăng giá trị hàng hóa. Theo thống kê (bảng dưới) thì hiện nay hàng thủy sản xuất khẩu chủ yếu dưới dạng thô.

Chỉ tiêu \ Năm	1998 (%)	1999 (%)
Hàng khô	7	5
Cá đông lạnh	10	8
Tôm đông lạnh	59	35
Nhuễn thể đông lạnh	11	9
Các loại khác	13	43

Phát triển các mặt hàng truyền thống (như nước mắm...)

- Hướng dẫn cho ngư dân cách bảo quản nguyên liệu sau khi đánh bắt. Vì nguyên liệu thủy sản là môi trường rất thuận lợi cho vi sinh vật xâm nhập và phát triển.

"Thương trường thường được coi là chiến trường" trong đó lợi nhuận là mục tiêu. Chính vì vậy phải thực sự coi trọng triết lý, đạo đức trong kinh doanh. Biết biến thù thành bạn, tạo các mối quan hệ đan xen tương hỗ lẫn nhau ở các doanh nghiệp trong ngành để phân bổ, thực hiện các quá trình chuyên môn hóa được tốt và

sâu hơn nhằm đủ sức cạnh tranh với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Hàng thủy sản Việt Nam được nhập khẩu trực tiếp vào Mỹ, Châu Âu (9,8 và 11,3%) điều đó nói lên sự nỗ lực của bộ, ngành và các doanh nghiệp chế biến thủy sản mấy năm gần đây. Trong tương lai chúng ta sẽ có quyền tin tưởng rằng ngành thủy sản Việt Nam sẽ là ngành mũi nhọn thực sự, vững vàng thực sự trong mọi sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, đồng thời là ngành tiên phong của đất nước trong quá trình hội nhập, giao lưu theo xu hướng chung "toàn cầu hóa" nền kinh tế thế giới ■

Thuế VAT cho sản xuất nước đá và hoàn thuế đầu vào ở các xí nghiệp chế biến thủy sản CÒN BẤT HỢP LÝ

◆ **TÔ VĂN VỸ**

Khi tàu thuyền ra khơi để đánh bắt tôm, cá phải có nhiều khâu phục vụ cho việc ra khơi như: xăng dầu, vật tư, lưới, lương thực, thực phẩm, đá ướp cá, nước ngọt.... Đặc biệt đá lạnh thì tàu thuyền nào cũng cần dùng đến, giá trị của mặt hàng này không cao nhưng số lượng thì vô cùng lớn (binh quân hàng chục tấn/tàu). Sản xuất ra mặt hàng này thì ai cũng có thể sản xuất được, chỉ cần đầu tư ban đầu một giàn máy với vài ba công nhân là có ngay sản phẩm để bán. Hiện nay, ở các địa phương có lượng tàu thuyền ra khơi nhiều thì cũng có rất nhiều cơ sở sản xuất nước đá. Kinh doanh mặt hàng này đang thiếu sự bình đẳng giữa doanh nghiệp nhà nước với các cơ sở tư nhân. Từ khi nhà nước áp dụng thuế VAT thì doanh số của các doanh nghiệp nhà nước bị giảm nghiêm trọng, doanh số hạ, công nhân thiếu việc làm. Qua tìm hiểu một số doanh nghiệp nhà nước kinh doanh mặt hàng này và tại Công ty dịch vụ chế biến thủy sản Hạ Long, ông Hoàng Chí Kẹo, giám đốc Công ty cho biết: Công ty dịch vụ chế biến thủy sản Hạ Long được trang bị một giàn máy sản xuất đá công nghiệp của Bungari, công suất lớn. Trước đây, bình quân một năm công ty bán ra được 3.800 tấn, nhưng kể từ khi áp dụng thuế VAT thì lượng bán ra một năm của công ty chỉ được ngót 1.000 tấn. Sở dĩ lượng bán ra giảm như vậy vì đá của công ty sản xuất ra mặc dù chất lượng cao nhưng giá cao hơn tư nhân vì công ty phải nộp thuế VAT còn tư nhân họ không nộp, nếu có nộp họ chỉ nộp thuế khoán một khoản không đáng kể theo mức khoán của cơ quan thuế. Với người đánh cá khi mua đá họ chỉ có khái niệm "đâu bán đá giá rẻ thì họ mua, họ không cần hoá đơn GTGT. Tàu cập bến, nếu có cá thì họ bán tự do, họ không được hoàn thuế nên việc có hóa đơn GTGT là không cần thiết".

Sản xuất đá lạnh bằng công nghệ giản đơn và là

mặt hàng phục vụ sản xuất, vậy nhà nước nghiên cứu xem mức thuế 10% như hiện nay đã phù hợp chưa hay chỉ nên tính thu với tỉ lệ 5%, thu theo tỉ lệ này thì chênh lệch giữa nhà nước và tư nhân không đáng kể, tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhà nước phát triển sản xuất. Nhà nước áp dụng chính sách hoàn thuế VAT cũng là vấn đề rất được các doanh nghiệp quan tâm, nhưng đây lại là vướng mắc khó có thể tháo gỡ được cho doanh nghiệp vì: cơ quan thuế yêu cầu nếu đơn vị được hoàn thuế đầu vào thì phải có đầy đủ chứng từ, hoá đơn bán hàng của người bán đúng mẫu của cơ quan thuế, có mã số thuế.... yêu cầu trên khó thực hiện đối với doanh nghiệp sản xuất chế biến vì, cần nguyên liệu (cá, tôm) cho chế biến thủy sản, các doanh nghiệp nhà nước phải mua cá của chủ vừa cá mà không thể mua trực tiếp của ngư dân được. Khi tàu thuyền ra khơi đánh bắt hải sản, các chủ vừa cá đầu tư cho từ A đến Z như: dầu, lưới, lương thực, thực phẩm.... mà chưa phải trả tiền. Tàu cập cảng, cá tôm phải bán cho các chủ vừa cá là đương nhiên. Mua được cá của các chủ vừa cá đã khó, lại yêu cầu bên bán cấp hoá đơn bán hàng có thuế VAT là điều không tưởng, đối với các chủ vừa cá này họ không có đăng kí kinh doanh, các công ty mua cá qua họ nhưng họ không giao trực tiếp mà chỉ đứng ra thu tiền. Đối tượng này cơ quan thuế cũng chưa có biện pháp gì để thu được thuế.

Để giải quyết khó khăn, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp chế biến thủy sản của nhà nước có cơ hội phát triển, đề nghị cơ quan thuế xem lại chính sách hoàn thuế VAT cho doanh nghiệp bằng cách: Căn cứ lượng tiêu thụ trong sản xuất chế biến, căn cứ ngày công lao động hợp lý trong định mức sản xuất của doanh nghiệp để làm cơ sở tính toán ra tỉ lệ hoàn thuế đầu vào cho doanh nghiệp■

CUỘC DIỄN TẬP PCLB VÀ TKCN TẠI QUY NHƠN, BÌNH ĐỊNH

LẦN ĐẦU TIÊN NGÀNH THỦY SẢN TỔ CHỨC MỘT CUỘC DIỄN TẬP LỚN ĐÃ THÀNH CÔNG VÀ AN TOÀN TUYỆT ĐỐI

LTS: Ngay sau khi cuộc diễn tập TS-2000 tại vùng biển Quy Nhơn kết thúc, phóng viên Đài PT và TH Bình Định đã có cuộc phỏng vấn nhanh các đồng chí lãnh đạo Ủy ban quốc gia TKCN, Bộ Thủy sản, Sở Thủy sản Bình Định. Sau đây là lược ghi những ý kiến phỏng vấn.

*** ĐỒNG CHÍ NGUYỄN HUY HIỆU**
(Ủy viên T.U Đảng, Thứ trưởng Bộ Quốc Phòng - Phó Chủ tịch thường trực UBQG TKCN):

Trong 40 năm xây dựng và phát triển, thủy sản đã trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, 1 trong 5 ngành kinh tế hàng đầu về xuất khẩu. Trong công cuộc đổi mới phát

triển kinh tế và hội nhập khu vực, kinh tế biển càng đóng vai trò hết sức quan trọng. Biển nuôi sống người dân, thúc đẩy kinh tế phát triển.

Song biển cũng rất khắc nghiệt do tác động của thiên nhiên như bão, áp thấp nhiệt đới, sóng thần, triều cường... đã gây cho ngành thủy sản nhiều tổn thất về

người và của, nhất là trong những năm gần đây tình hình thời tiết thay đổi thất thường càng gây ra hậu quả to lớn hơn. Để làm giảm đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra, Đảng, Chính phủ đã có nhiều chủ trương, biện pháp chỉ đạo các Bộ, ngành trung ương và các địa phương có kế hoạch cụ thể để đối phó với thiên tai xảy ra, một trong những biện pháp quan trọng đó là chủ động thực hiện TKCN khi có thiên tai xảy ra. Đó là lý do vì sao UBQG TKCN coi nhiệm vụ chỉ đạo, tổ chức TKCN chuyên ngành thủy sản trong năm 2000 là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng.

Cuộc diễn tập lần này nhằm nâng cao khả năng tổ chức chỉ đạo, điều hành, lập kế hoạch, phương án của Ban chỉ huy PCLB & TKCN Bộ Thủy sản, Trung tâm PCLB & TKCN tỉnh Bình Định, khả năng chỉ huy hiệp đồng giữa các lực

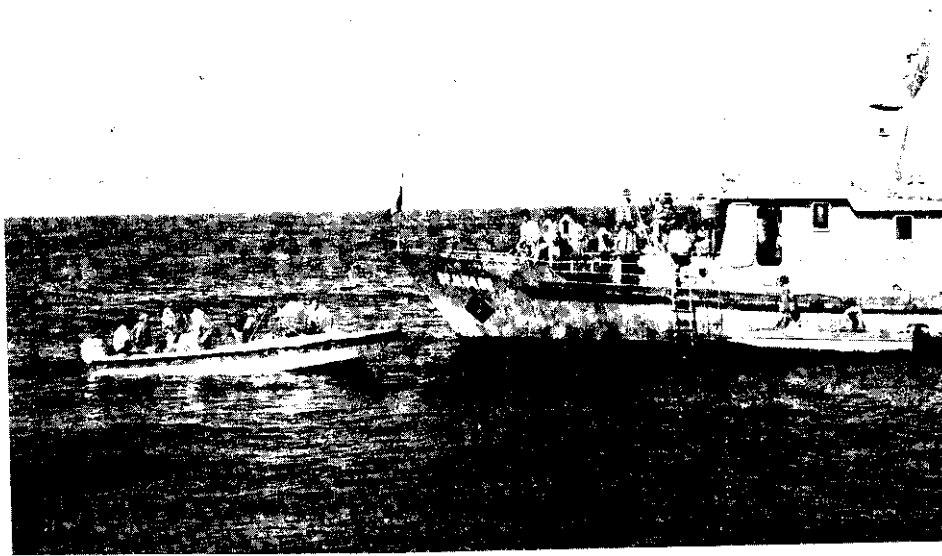
Trao bằng khen tại lễ tổng kết buổi diễn tập

ẢNH: V.H.T



Một buổi diễn
tập TKCN

ẢNH: H.M.TUẤN



lượng tham gia diễn tập, tuyên truyền rộng rãi tầm quan trọng của công tác TKCN với phương châm 4 tại chỗ.

Mặt khác nhằm nghiên cứu cơ chế vận hành, xác định vai trò nhiệm vụ của từng cấp trong nhiệm vụ TKCN trên biển, qua đó để hoàn thiện về tổ chức cơ chế hoạt động và phổ biến kinh nghiệm cho các địa phương, lực lượng tại chỗ có tính chất quyết định khi TKCN bắt đầu.

Công tác chuẩn bị cho diễn tập của Bộ Thủy sản và tỉnh Bình Định chỉ diễn ra trong một thời gian rất ngắn, trong điều kiện thời tiết phức tạp. Song với sự cố gắng của tất cả các cấp, các lực lượng tham gia diễn tập và các lực lượng bảo đảm nên cuộc diễn tập TKCN chuyên ngành thủy sản "TS-2000" đã thành công tốt đẹp và bảo đảm an toàn tuyệt đối.

● **D/C NGUYỄN NGỌC HỒNG**
(Thứ trưởng Bộ Thủy sản,
Trưởng ban chỉ đạo
PCLB&TKCN Bộ Thủy sản)

Sáng hôm nay vùng biển Quy Nhơn - Bình Định trời rất xấu, sóng to, gió lớn nhưng nhờ tinh thần chuẩn bị rất tốt của tất cả các lực lượng, từ lực lượng chuẩn bị ở trên bờ đến các lực lượng ở dưới nước cho nên buổi diễn tập hôm nay đạt kết quả tốt, tất cả các tình huống đặt ra đều thực hiện đúng và chúng tôi cho rằng buổi diễn tập hôm nay đạt được đúng mục đích và yêu cầu đề ra.

Cần nhấn mạnh việc chọn Bình Định làm điểm diễn tập, vì mấy vấn đề sau:

1/ Bình Định là một tỉnh miền Trung của đất nước chúng ta, là khu vực chịu ảnh hưởng rất nhiều cơn bão, lốc tố hàng năm.

2/ Ngư dân miền Trung có một lực lượng rất đông đảo thành thạo nghề nghiệp, có nhiều kinh nghiệm về PCLB & TKCN.

3/ Tỉnh Bình Định cũng đã từng tổ chức diễn tập TKCN nên đã rút được một số kinh nghiệm để cho đợt diễn tập lần này.

● **D/C TRẦN VĂN LANG** (Giám đốc Sở Thủy sản Bình Định)

Vấn đề TKCN của Trung ương tổ chức tại Bình Định là việc làm có ý nghĩa rất quan trọng vì đây không những làm chung cho cả nước mà còn làm riêng cho tỉnh Bình Định, tức là tạo điều kiện cho mọi người dân luôn luôn sẵn sàng trong mọi tư thế chống đỡ bão, lũ. Đồng thời tỉnh ta là tỉnh thường xuyên bị bão, lũ cho nên công tác TKCN diễn tập ở đây có ý nghĩa rất lớn đối với tỉnh chúng ta trong việc TKCN trong tình hình người ngư dân của chúng ta đi sản xuất trên biển.

Qua việc tổ chức TKCN cứu nạn lần này chúng ta đúc rút nhiều kinh nghiệm về tổ chức, về quản lý điều hành, nhất là phối hợp các lực lượng. Đây là dịp chúng ta diễn tập toàn bộ các lực lượng, phối hợp các lực lượng trong tỉnh dưới sự chỉ đạo thống nhất của UBND tỉnh và có sự chỉ đạo đầy hiệu quả của UBQG TKCN và Bộ Thủy sản.

BẢO AN TOÀN CHO NGƯỜI VÀ PHƯƠNG TIỆN HOẠT ĐỘNG NGHỀ CÁ ĐỂ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT

◆ TS. VŨ HUY THỦ

Phó cục trưởng Cục BVNLTS
Phó trưởng Ban thường trực Ban chỉ huy PCLB & TKCN Bộ Thủy sản

Việt Nam có bờ biển dài trên 3.260 km, với vùng đặc quyền kinh tế rộng hơn 1 triệu km², hàng nghìn hòn đảo lớn nhỏ và 120 cửa sông, rạch, đầm phá ven bờ tạo điều kiện thuận lợi cho việc nuôi trồng, khai thác và phát triển ngành thủy sản.

Trong 40 năm xây dựng và phát triển, thủy sản đã trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, là một trong 5 ngành kinh tế đứng đầu về xuất khẩu.

Hiện nay cả nước có 28 tỉnh, thành phố ven biển với lực lượng tàu thuyền gần 80 nghìn chiếc, tổng công suất 2,9 triệu CV, cùng với hàng triệu cộng đồng ngư dân phân bố dọc theo chiều dài bờ biển, khai thác hải sản đang giữ vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế ngành đồng thời góp phần tăng cường bảo vệ an ninh quốc phòng và chủ quyền, lãnh hải.

Về địa lý, Việt Nam nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa có lượng mưa hàng năm tương đối lớn, thường xuyên phải chịu ảnh hưởng trực tiếp của các đợt áp thấp nhiệt đới, xoáy lốc, triều cường và các cơn bão từ Biển Đông.

Những năm gần đây biến đổi của thời tiết mang tính toàn cầu và diễn biến ngày một phức tạp, tần suất thiên tai lũ, lụt, xoáy lốc, triều cường ngày càng tăng, sức tàn phá ngày càng lớn. Mỗi khi có thiên tai ngành thủy sản là ngành phải gánh chịu đầu tiên và cũng là một

trong những ngành chịu hậu quả nặng nề nhất.

Với số lượng tàu thuyền đông, hoạt động dàn trải song đến nay chỉ có một số điểm tự nhiên trú đậu an toàn, còn hầu hết các nơi trú đậu tránh bão cho tàu thuyền không an toàn vì chưa được đầu tư, nhất là ở ven biển các tỉnh miền Trung. Tàu thuyền của ngư dân chủ yếu dựa vào các cửa sông, vũng, vịnh sẵn có của tự nhiên để trú đậu, các yêu cầu an toàn của nơi neo đậu không được đảm bảo. Vì vậy mỗi khi có áp thấp nhiệt đới và bão, lụt tàu thuyền của ngư dân đã về nơi trú đậu song tai nạn vẫn thường xảy ra. Để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của ngành thủy sản đến năm 2005 tổng sản lượng đạt 2,45 triệu tấn, kim ngạch xuất khẩu đạt 2,5 tỉ USD, trước hết phải đảm bảo an toàn cho người và phương tiện nghề cá. Trong những năm qua để giảm đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra, Chính phủ đã có nhiều chủ trương biện pháp chỉ đạo các Bộ, ngành trung và địa phương xây dựng kế hoạch đối phó với thiên tai. Một trong những biện pháp quan trọng đó là xây dựng dự án qui hoạch các khu neo đậu phòng, tránh bão cho tàu thuyền nghề cá hoạt động trên biển, dự án này đã được ngành thủy sản triển khai xây dựng và đã trình Chính phủ.

Do đặc điểm khai thác hải sản dàn trải trên các vùng biển từ Bắc tới Nam, điều kiện địa lý tự nhiên mỗi vùng, mỗi khu vực khác nhau do đó quan điểm và việc định hướng đầu

tư qui hoạch các khu neo đậu tránh bão không chỉ tập trung vào một vài khu vực mà phải hình thành một hệ thống các khu trú đậu với các qui mô, năng lực đáp ứng khác nhau dọc theo tuyến ven biển và các đảo xa bờ.

Tuy nhiên việc đầu tư cho cả một hệ thống trú bão đòi hỏi kinh phí lớn, đặc biệt với các vị trí phải đầu tư mới làm đề ngăn sóng, ngăn sa bồi và các khu vực đảo xa bờ; vì vậy phải nghiên cứu để lợi dụng tối đa các điều kiện tự nhiên, kết hợp với khu dịch vụ hậu cần nghề cá để có thể kết hợp việc cung ứng dịch vụ hậu cần cho tàu thuyền.

Trong giai đoạn trước mắt (2000-2005) cần thiết phải tập trung xây dựng một số vị trí trú đậu cho tàu thuyền gần các ngư trường trọng điểm, các trung tâm nghề cá có số lượng tàu thuyền hoạt động lớn và đặc biệt ưu tiên cho khu vực miền Trung là nơi có tần suất thiên tai xảy ra nhiều nhất sau đến các tỉnh phía Bắc và các tỉnh Nam Bộ.

Để đảm bảo cho tàu thuyền ra vào thuận lợi và tránh được gió, bão; yêu cầu kỹ thuật của khu trú đậu phải tương đối kín sóng, lặn gió, được che chắn 3 phía, tối thiểu có 2 mặt được che chắn còn lại xây kè chắn sóng đại dương; luồng lạch ra vào phải đủ rộng và sâu để các loại tàu ra vào dễ dàng.

Khu neo đậu phải đủ rộng để có thể chứa được nhiều tàu và có chất đáy đảm bảo cho việc neo tàu. Những nơi chất đáy không đủ giữ neo cần phải xây dựng các trụ neo, phao neo độc lập để hỗ trợ cho việc neo giữ tàu.

Các khu neo đậu xa bến, cảng; xa các cơ sở dịch vụ hậu cần nhưng gần với tụ điểm nghề cá cần xây dựng các trụ neo tàu nổi bờ có cầu dẫn đơn giản để tiếp nhận dịch vụ hậu cần như nhiên liệu, lương thực, thực phẩm, nước ngọt để tàu thuyền có thể tiếp tục sản xuất ngay sau khi gió bão tan.

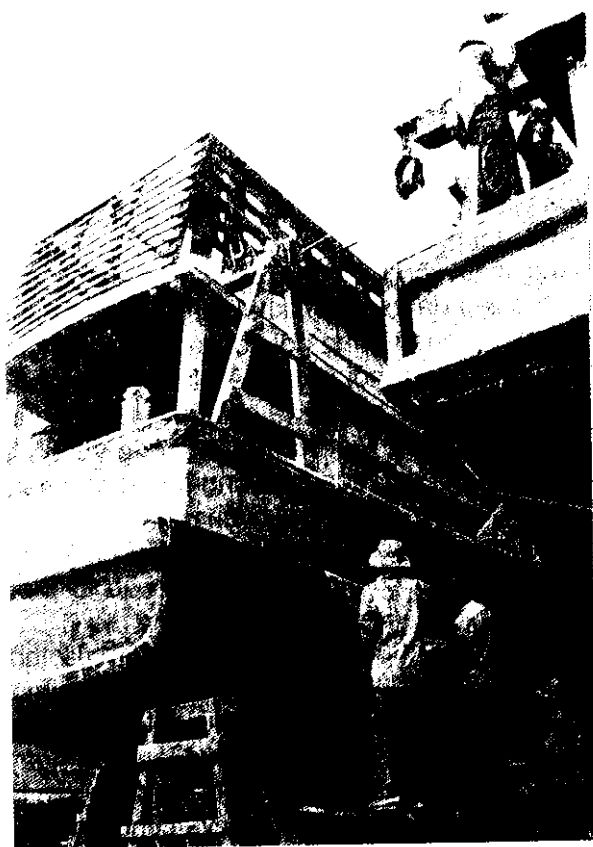
Ở các khu trú tránh bão phải được trang bị hệ thống thông tin liên lạc, tín hiệu báo bão, phao dẫn luồng, lạch, các phương tiện cứu hộ, cứu nạn để chủ động ứng phó khi thiên tai, sự cố xảy ra.

Dự án qui hoạch khu neo đậu phòng, tránh bão cho tàu thuyền nghề cá là dự án mang tính xã hội nhân đạo; vì vậy các hạng mục đầu tư cho cơ sở hạ tầng phải được thực hiện từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Song đây là một dự án đòi hỏi nguồn kinh phí rất lớn cần được sự hỗ trợ của các tổ chức, các nhà tài trợ trong nước và quốc tế để dự án sớm được thực hiện.

Cùng với việc xây dựng dự án khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền, Nhà nước cần sớm có chủ trương cho Bộ Thủy sản:

- Xây dựng đề án thành lập các trung tâm tìm kiếm cứu nạn chuyên ngành thủy sản ở trung ương và khu vực.

- Xây dựng một số xí nghiệp công ích sản xuất các trang bị dụng cụ bảo hộ lao động và các trang thiết bị bảo đảm an toàn cho người và phương tiện nghề cá hoạt động trên biển để ngư dân yên tâm ra khơi sản xuất, đáp ứng được nguyện vọng đông đảo của bà con ngư dân cũng như sự phát triển bền vững của ngành■



*Sửa chữa tàu phục vụ ĐBHSXB
tại phân xưởng An Hoà (QĐ ĐC Kiên Giang)*

ẢNH: VÂN ANH

PHÁO HIỆU BÁO BÃO TRÊN BIỂN

◆ **MINH HẸ**

Nằm trong vành đai bão Thái Bình Dương, hằng năm đất nước ta chịu những thiệt hại nặng nề do bão lũ gây ra. Đặc biệt với các lực lượng tàu thuyền đánh cá trên biển, sự thiệt hại này thật quá thương tâm, mà không hẳn sự thiệt hại đó là hoàn toàn "bất khả kháng". Những năm gần đây Nhà nước đã ban hành nhiều qui định, trang bị nhiều phương tiện để giúp ngư dân hạn chế thấp nhất những thiệt hại về người và tài sản do bão lũ gây ra.

● **PHÁO HIỆU BÁO BÃO**

Khi tàu thuyền hoạt động trên biển, ngoài việc phải trang bị radio để nghe dự báo thời tiết và tích lũy kinh nghiệm, phán đoán thời tiết (quan sát bầu trời, mặt biển, chim hải âu, mây đục...), còn phải chú ý theo dõi hệ thống bắn pháo hiệu báo bão của bộ đội biên phòng (được Chính phủ giao trách nhiệm từ năm 1999). Trên cả nước ta, hệ thống bắn pháo hiệu báo bão được bố trí ở 47 điểm:

- Quảng Ninh đến Ninh Bình: 4 điểm
- Thanh Hóa đến Thừa Thiên - Huế : 9

điểm

- Đà Nẵng đến Bình Thuận: 8 điểm
- Tp. Hồ Chí Minh và Bà Rịa - Vũng

Tàu: 2 điểm

- 7 tỉnh đồng bằng Sông Cửu Long

10 điểm.

- Đảo Bạch Long Vĩ, đảo Đá Tây và các tàu V1, V3, V4, V5 (có chức năng báo bão): 11 điểm

- Trên máy bay trực thăng và máy bay AN - 26: 3 điểm.

● **QUI ĐỊNH BẮN PHÁO HIỆU**

- Bão xa: Bắn pháo hiệu số 1 gồm 9 phát màu xanh chia đều làm 3 lần, mỗi lần

cách nhau 3 phút. Giờ bắn: 4h30' đến 5h, 19h30' đến 20h và 22h30' đến 23h.

- Bão gần: Bắn pháo hiệu số 2, gồm 9 phát xanh và đỏ, chia đều 3 lần, mỗi lần bắn 2 phát đỏ rồi tiếp 1 phát xanh và cách nhau 3 phút. Giờ bắn như tin bão xa.

- Bão khẩn cấp hoặc áp thấp nhiệt đới gần bờ: Bắn pháo hiệu số 3, gồm 9 phát màu đỏ, chia đều 3 lần, mỗi lần cách nhau 3 phút. Giờ bắn từ 0h30' đến 1h, 4h30' đến 5h, 19h30' đến 20h và từ 22h30' đến 23h.

- Đặc biệt, khi xuất hiện khả năng bão hoặc áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng trực tiếp đến các hải đảo hoặc vùng có hoạt động an ninh, kinh tế trên Biển Đông và Vịnh Thái Lan thì bắn pháo hiệu số 3 trong thời gian trước 12h đến 24 h.

● **CÁCH PHÒNG TRÁNH:**

- Bão xa: Liên tục theo dõi để biết hướng đi, tốc độ di chuyển và cấp gió của bão. Nếu phát hiện thấy hướng đi của bão sẽ ảnh hưởng đến vùng biển tàu mình đang hoạt động, phải sẵn sàng đưa tàu về bến trú ẩn. Chuẩn bị phao cứu sinh và sẵn sàng ứng phó với các tính huống xấu có thể xảy ra.

- Bão gần: Nếu tàu đang đánh cá phải thu lưới ngay. Tìm cách báo cho các tàu trong khu vực. Đưa tàu đến nơi an toàn gần nhất. Chuẩn bị sẵn sàng các phương tiện chống thủng tàu, phao cứu sinh, các dụng cụ phát tín hiệu cấp cứu lương thực thuốc men.... Các thuyền viên vào vị trí qui định, sẵn sàng làm nhiệm vụ khi có lệnh thuyền trưởng.

- Bão khẩn cấp hay áp thấp nhiệt đới gần bờ: Mọi người phải mặc áo phao cứu sinh. Nếu tàu đang ở xa bờ: hạ trọng tâm của tàu xuống (hạ cần câu, đưa các vật dụng không cần thiết xuống hầm), hạn chế mặt

thoáng của các hầm nước, kết dầu (tránh để vơi, mà phải đầy, hoặc không có nước hay dầu trong đó). Sắp xếp và chằng buộc chắc chắn tất cả vật dụng trên tàu để giữ nguyên trọng tâm tàu luôn ổn định. Phủ bạt và chằng buộc các nắp hầm, kiểm tra độ kín nước của vỏ tàu, mặt boong, các cửa và nắp hầm.... Điều khiển tàu chạy ngược sóng hoặc theo hướng sao cho gió thổi chệch mũi tàu một góc 30-45°. Nếu chạy tàu không có kết quả, phải tắt máy, thả tàu trôi theo sóng, giữ cho tàu không nằm ngang sóng (để bị lật tàu). Nếu tàu mất liên lạc, thuyền trưởng bỏ giấy vào chai hoặc can nhựa (đã sơn màu đỏ từ trước) và bịt kín; giấy viết số tàu, danh sách thuyền viên và tọa độ khi thả chai (hoặc can) để báo tin cho lực lượng cứu nạn tìm đến. Nếu tàu ở gần các đảo, không đậu sát vách núi, chân đảo. Tàu luôn nổ máy và giữ cho mũi tàu luôn chệch sóng 35-40°. Mọi người ở tư thế sẵn sàng cứu tàu, cứu người khi có sự cố. Khi tàu đã vào bến đậu, tìm nơi khuất gió, thả neo nơi đáy có tỉ lệ cát 80% trở xuống và không có đá ngầm. Thả 2 neo, mũi và lái; dây neo dài 5-7 lần độ sâu thẳng góc với bờ, đuôi tàu quay vào phía trong và các tàu phải cách xa nhau đủ rộng để tránh và đập vào nhau.

Buộc các vật đệm vào 2 bên mạn tàu để giảm lực va đập. Không buộc tàu vào chân cầu và nắp dưới cầu. Chờ khi có tin bão tan và lệnh cho phép ra khơi của cấp chỉ huy phòng chống lụt bão trực tiếp (thường là cấp tỉnh) các tàu mới được rời nơi tránh bão. Cơ quan dự báo khí tượng thủy văn Trung ương cho biết, do hiện tượng La Nina kéo dài nên số lượng cơn bão đổ bộ trực tiếp vào nước ta năm 2000 có thể đến 5-6 cơn và đỉnh lũ có thể bằng hoặc cao hơn trung bình nhiều năm; đặc biệt cần chú ý những cơn bão mạnh, lũ quét, lốc, vòi rồng... có khả năng xuất hiện nhiều trong mùa bão năm nay. Vì vậy, các lực lượng tìm kiếm cứu nạn địa phương cần luôn luôn sẵn sàng làm nhiệm vụ theo yêu cầu "4 tại chỗ" của cấp Trung ương qui định, nhằm hạn chế thấp nhất sự thiệt hại về người và tàu thuyền hoạt động trên biển khi có tình huống xấu xảy ra. Cách phát hiện và phòng tránh bão cho tàu thuyền hoạt động trên biển, được nắm vững và chấp hành nghiêm chỉnh, nhất định các lực lượng tàu thuyền đánh cá và giao thông trên biển sẽ tránh được những hiểm họa đáng tiếc, do chính sự hiệu biết và chủ quan có phần nào của bản thân con người gây ra■

CÁ NGỪ VÂY DÀI (*THUNNUS ALALUNGA*) LẦN ĐẦU TIÊN BẮT ĐƯỢC Ở BIỂN VIỆT NAM

Trong đợt nghiên cứu vụ Bắc năm 2000 nguồn lợi cá xa bờ, ngày 22/10/2000 tàu câu của Xí nghiệp khai thác thủy sản Bình Thuận: BTH. 9558 TS đã câu được 1 con cá ngừ đại dương, nặng 16kg, dài 102,9cm ở vĩ độ 8°25'N và kinh độ 110°27'E. Các cán bộ nghiên cứu khoa học của Viện nghiên cứu hải sản, Hải phòng (Bộ Thủy sản) đã xác định đây là loài ngừ vây dài (*Thunnus alalunga*), tên tiếng Anh là Albacore. Điểm khác biệt của loài này với các loài cá ngừ mà ngư dân thường đánh bắt được như: ngừ vây vàng (*Thunnus albacares*); ngừ mắt to (*Thunnus obesus*) ở chỗ vây ngực có màu xám, kéo dài tới quá gốc vây lưng thứ hai của nó. Rìa mép ngoài vây đuôi có màu trắng.

Theo tài liệu của FAO thì loài cá này phân bố ở các vùng nước có độ sâu lớn thuộc khí hậu ôn đới và nhiệt đới của các Đại dương (trừ vĩ tuyến 0° - 10° về cả hai phía Bắc và Nam bán cầu). Cá câu được thường có chiều dài từ 85-90cm, loại lớn từ 90 - 115cm và khối lượng khoảng 40kg. Đây là loài cá có giá trị kinh tế xuất khẩu cao, song thực tế ở Việt Nam chưa có một tàu thuyền nào trên biển đánh bắt được.

Cá ngừ vây dài là một trong những loài cá có giá trị kinh tế cao, lần đầu tiên câu được ở biển Việt Nam vì vậy cần tăng cường điều tra, nghiên cứu để nắm vững hơn đối tượng này■

NGUYỄN CÔNG RỪNG

BẾN TRE

BA NĂM NHÌN LẠI VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ 01/1998/CT-TTG CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

◆ HOÀNG NGUYỄN

Bến Tre nằm ở khu vực hạ lưu sông Cửu Long, với hơn 65km bờ biển, 04 con sông lớn: Mỹ Tho, Ba Lai, Hàm Luông, Cổ Chiên, và hệ thống kênh rạch chằng chịt trong nội đồng, hệ sinh thái mang tính chất cù lao sông biển rất thích hợp để phát triển ngành thủy sản, do đó tiềm năng về nuôi trồng và khai thác thủy sản ở Bến Tre rất đa dạng, phong phú và ngành thủy sản được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh trong thời kỳ CNH-HĐH. Vì vậy, việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản để phát triển ngành theo hướng bền vững, ổn định lâu dài được các ngành, các cấp quan tâm thực hiện.

Thế nhưng, trong những năm gần đây, hiện tượng sử dụng các loại ngư cụ cấm như cào điện, xiệc điện và hoá chất độc để khai thác thủy sản tồn tại khá phổ biến, chủ yếu là ở khu vực nội đồng và các tuyến sông. Riêng việc dùng chất nổ để khai thác thủy sản ở ngoài khơi Bến Tre đến nay vẫn chưa phát hiện một trường hợp nào.

Tiếp thu Chỉ thị 01/1998/CT-TTG của Thủ tướng Chính phủ về việc "Nghiêm cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc trong khai thác thủy sản", UBND tỉnh Bến Tre đã ban hành chỉ thị số 10/CT-UB ngày 15/5/1998 về việc "Thực hiện tốt chỉ thị 01/1998/CT-TTG" đồng thời thành lập Ban Chỉ đạo (BCĐ) chống sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản cấp tỉnh.

Sau khi thành lập, BCĐ tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai Chỉ thị 01/1998/CT-TTG và Chỉ thị số 10/CT-UB của UBND tỉnh Bến Tre đến tận các Sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND các huyện thị. Căn cứ kế hoạch của BCĐ tỉnh, UBND các huyện, thị đã thành lập BCĐ cấp huyện và triển khai sâu rộng Chỉ thị 01/1998/CT-TTG và chỉ thị 10/CT-UB đến các ban ngành trong huyện và UBND các xã, phường. Ban chỉ đạo cấp xã, phường đã thành lập BCĐ và triển khai Chỉ thị 01/1998/CT-TTG đến các tổ nhân dân tự quản và quần chúng nhân dân. Tính đến

nay, BCĐ đã tham mưu với UBND tỉnh ban hành tổng số 10 văn bản, trong đó có 01 chỉ thị, 03 quyết định, 06 công văn. Song bên cạnh đó, BCĐ các cấp tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục bằng nhiều hình thức đến tận người dân. Qua tuyên truyền, giáo dục đa số nhân dân am hiểu tác hại của việc sử dụng các loại ngư cụ cấm để khai thác thủy sản. Từ đó một số người sử dụng ngư cụ cấm đã tự nguyện cam kết không tái phạm và tự huỷ hoặc giao nộp cho chính quyền địa phương các loại ngư cụ cấm. Ngoài ra còn một số trường hợp không tự nguyện giao nộp vẫn lén lút hoạt động được quần chúng nhân dân phát hiện truy bắt giao nộp cho chính quyền địa phương và cơ quan chức năng xử lý.

Để thực hiện tốt tinh thần Chỉ thị 01/1998/CT-TTG của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 10/1998/CT-UB của UBND tỉnh Bến Tre, BCĐ đã xác định công tác tuyên truyền là mục tiêu quan trọng hàng đầu và mang tính chiến lược lâu dài, nhưng trước mắt

làm chuyển đổi ngay nhận thức của người dân, đặc biệt là ngư dân vùng biển, từ đó huy động rộng rãi mọi người tham gia vào phong trào bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, tiến dần đến xã hội hóa công tác BVNL thủy sản.

Với mục tiêu đã đề ra, BCD đã tiến hành thành lập Ban Tuyên truyền gồm các cán bộ của đơn vị Chi cục BVNLTS Bến Tre hoạt động kiêm nhiệm, tiến hành viết tin bài để gửi đến các cơ quan thông tin đại chúng nhằm tuyên truyền rộng rãi các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trên lĩnh vực BVNLTS. Tiến hành hợp đồng với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bến Tre, đài phát thanh các huyện ven biển, Báo Tư pháp Bến Tre, Báo Đồng khởi, Tạp chí Thủy sản để truyền tải các bản tin, bài về BVNLTS, giúp ngư dân hiểu rõ hơn về pháp lệnh BVNLTS, đồng thời phổ biến nhanh các văn bản có liên quan đến hoạt động nghề cá.

Ngoài việc viết tin bài

gửi đến các cơ quan thông tin đại chúng, BCD còn tiến hành in ấn các văn bản, chỉ thị của nhà nước nhằm phục vụ cho công tác tuyên truyền, in ấn các loại áp phích, tờ bướm, tờ rơi phát trực tiếp đến tận tay người dân, xây dựng các panô, hộp ảnh tuyên truyền tại các huyện, thị trong tỉnh hoặc ở những xã trọng điểm hoạt động nghề cá, phối hợp với Trường Trung học kĩ thuật và Nghiệp vụ Thủy sản II, thành phố Hồ Chí Minh lồng ghép chương trình BVNLTS vào chương trình đào tạo thuyền máy trưởng tàu cá, tham gia các cuộc triển lãm, các cuộc hội chợ của ngành, tỉnh nhằm giới thiệu những thành tựu trong công tác BVNLTS cũng như triển lãm một số tang vật tịch thu được cùng các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động khai thác thủy sản bằng công cụ cấm nhằm mục đích răn đe, giáo dục người dân hiểu rõ hơn những quy định hiện hành trong công tác BVNLTS và để có

thể ngăn chặn ngay từ đầu các hành vi vi phạm có thể xảy ra.

Tính đến nay, BCD đã tiến hành chỉ đạo các thành viên trong ban tuyên truyền viết và gửi đi 102 tin, bài và ảnh. Đa số các tin bài và ảnh được các cơ quan thông tin đại chúng sử dụng. Phối hợp với đài phát thanh và truyền hình thực hiện được 14 phim phóng sự truyền hình về công tác BVNLTS, 01 logo chữ phát trên sóng của đài hàng tuần, xây dựng được 11 panô tuyên truyền tại các huyện thị trong tỉnh với tổng diện tích 185m², in ấn 2.955 quyển tài liệu, 15.100 tờ bướm, 3.420 tờ rơi, tham mưu tổ chức thành công cuộc thi tìm hiểu Pháp lệnh BVNLTS với 3.015 người tham dự, tuyên truyền trực tiếp cho các học viên lớp thuyền máy trưởng tàu cá và tư vấn pháp luật trên các lĩnh vực BVNLTS cho hơn 1.011 trường hợp. Xây dựng và triển khai thực hiện đề tài "Điều tra hoạt động khai thác thủy sản bằng công cụ cấm trên địa bàn tỉnh Bến Tre". Đặc biệt, để củng cố và phát triển công tác tuyên truyền bảo vệ nguồn lợi thủy sản, trong 03 năm triển khai thực hiện Chỉ thị 01, với nhiều cố gắng và nỗ lực không ngừng, BCD đã tiến hành cho in ấn và phát hành hơn 2.000 Bản tin thủy sản đến các xã trong toàn tỉnh.

*Phòng tư pháp huyện Mỏ Cày
trao quyết định xử phạt cho các
đối tượng vi phạm*

ẢNH: HOÀNG VŨ



Song song với công tác tuyên truyền, BCĐ đã chỉ đạo cho thanh tra BVNLTS tiến hành phối hợp với các cơ quan chức năng trong tỉnh như cảnh sát kinh tế tỉnh, an ninh kinh tế, thanh tra Sở Thủy sản, Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn các huyện và chính quyền địa phương thường xuyên tiến hành thanh kiểm tra trên các tuyến sông nội thủy và ven biển phát hiện 141 vụ vi phạm, giải quyết 141 vụ, trong đó có 83 vụ cào điện, 41 vụ sử dụng xiệc điện, 02 vụ sản xuất xiệc điện, 15 vụ sử dụng hoá chất độc để khai thác thủy sản. Phối hợp cùng

địa phương xử lý 15 vụ, phạt hành chính 126 vụ, thu phạt nộp vào ngân sách nhà nước 195.430.000 đồng, phạt bổ sung: tịch thu tang vật gồm 83 dinamo phát điện, 83 khung dây cào-dây cào có luồng điện, 09 ghe máy, 41 accu, 85 bộ kích điện, 72 vợt có luồng điện, 02 lưới te điện, 05 lưới kéo tay có luồng điện. Chuyển cơ quan điều tra khởi tố 01 vụ thuốc tôm. Ngoài ra, Thanh tra BVNLTS thủy sản cũng đã phối hợp với chính quyền ở các xã vận động được 61 đối tượng tự giác giao nộp ngư cụ cấm trong khai thác thủy sản cho chính quyền địa phương. Do hoạt

động có hiệu quả và được nhân dân tín nhiệm, thời gian qua, thông qua Chi cục BVNLTS, BCĐ thường nhận được thư và điện báo của nhân dân cung cấp thông tin về các hành vi vi phạm của các đối tượng, giúp Thanh tra BVNLTS tổ chức truy bắt chính xác, kịp thời.

Với những hoạt động tích cực, đồng bộ nêu trên, thời gian qua việc sử dụng xung điện, chất độc trong khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Bến Tre đã giảm rõ rệt, nhận thức của người dân trên lĩnh vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản ngày càng được củng cố và nâng cao■

MỎ CÀY XỬ PHẠT CÁC ĐỐI TƯỢNG KHAI THÁC THỦY SẢN TRÁI PHÉP

Trong thời gian gần đây tình hình khai thác thủy sản một cách trái phép ngày càng gia tăng ở Mỏ Cày, mới đây nhất vào lúc 16 giờ ngày 6/10/2000 lực lượng cảnh sát kinh tế, công an huyện Mỏ Cày tổ chức tuần tra và bắt quả tang 4 đối tượng tại ấp 4, thị trấn Mỏ Cày, đang dùng 2 phương tiện (ghe từ 1 đến 2 tấn) có dinamo phát điện, kết hợp cào lưới để đánh bắt thủy sản trong khu vực huyện Mỏ Cày.

Bốn đối tượng gồm: Lương Quang Vinh, sinh năm 1963 cùng vợ là Nguyễn Thị Thu sinh năm 1966 đã dùng ghe máy D8 có 1 dinamo phát điện và lưới cào để đánh bắt thủy sản. Võ Văn Hoàng, sinh năm 1968 cùng với Phạm Văn Tài, sinh năm 1959 đang dùng ghe máy D12, dinamo và lưới cào.

Qua quá trình điều tra được biết tên Lương Quang Vinh, bắt đầu sử dụng dinamo để phát điện đánh bắt cá từ tháng 6/2000, đã bị Chi cục BVNLTS Bến Tre, bắt giam 1 lần. Riêng Phạm Văn Tài đã có hành vi chống trả bằng cách quăng dinamo xuống sông

để xoá vật chứng, trước đây đã tái phạm nhiều lần, mặc dù đã bị 2 lần giáo dục.

Với những tội trên, ngày 6/11/2000 UBND thị trấn Mỏ Cày phối hợp với Phòng Tư pháp và công an huyện đưa ra xử lý công khai trước dân, bằng hình thức xử phạt hành chính đối với 4 đối tượng trên, buộc Phạm Văn Tài phải nộp phạt 4 triệu đồng và Lương Quang Vinh, Võ Văn Hoàng, mỗi tên nộp phạt 3 triệu đồng, với tội danh: đã có hành vi dùng máy phát điện đặt trên ghe kết hợp với lưới cào điện để khai thác thủy sản một cách trái phép, vi phạm điểm b, khoản 4, điều 6 của Nghị định 48/CP. Riêng đối tượng Nguyễn Thị Thu đoàn xử lý giao cho chính quyền địa phương giáo dục.

Trong buổi xử lý công khai này, đoàn xử lý đã phát trên 50 tờ bướm, nhằm tuyên truyền Pháp lệnh bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản cùng một số qui định về xử phạt đối với các hành vi sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản đến từng hộ dân trong khu vực■

HOÀNG VŨ

TIN BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN

QUẢNG NAM

Với lực lượng bảo vệ nguồn lợi thủy sản chuyên trách tuy còn mỏng nhưng với sự đoàn kết, nỗ lực của toàn thể cán bộ trong năm qua, Chi cục đã đạt được những thành tích đáng kể về mọi mặt đặc biệt là về công tác tuyên truyền như: in, phân phát được 1.000 áp phích, 1.200 tài liệu các loại cho ngư dân tại các xã trọng điểm nghề cá, xây dựng 1 phóng sự, đăng 15 tin, bài trên báo và đài truyền hình địa phương. Ngoài ra, Chi cục đã tổ chức: 5 lớp tập huấn về các mặt công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản với 352 cán bộ quản lý thuộc các ngành các cấp có liên quan tham dự; 3 hội thảo cso 185 ngư dân thuộc huyện Núi Thành dự, kí cam kết không vi phạm Chỉ thị 01/1998/CT-TTg. Chi cục đã phối hợp chặt chẽ với các lực lượng công an, biên phòng, văn hóa - thông tin tại các huyện, thị mở các đợt tuyên truyền, phổ biến các qui định về bảo vệ nguồn lợi thủy sản cho đông đảo quần chúng nhân dân. Thông qua tuyên truyền với các hình thức đa dạng, hiệu quả, nhân dân địa phương đã nhận thức rõ các

loại hình khai thác mang tính huỷ diệt ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản, môi trường sinh thái, đời sống kinh tế và an ninh xã hội của chính bản thân họ. Nhưng việc sử dụng chất nổ, xung điện để khai thác thủy sản ngày càng tinh vi hơn, đặc biệt sự phối hợp đồng bộ giữa các lực lượng trên biển để kiểm tra, kiểm soát ngoài khơi về việc dùng đèn cao áp khai thác thủy sản còn yếu, hơn nữa phương tiện tuần tra của Chi cục nhỏ bé, kinh phí hạn hẹp. Vì vậy, Chi cục đề nghị Cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản hoàn chỉnh mô hình tổ chức của các chi cục sao cho hình thành mạng lưới tổ chức hệ thống bảo vệ nguồn lợi thủy sản tận cấp huyện, xã tạo một cơ chế kiểm ngư nhân dân để bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản một cách có hiệu quả hơn nữa.

TIỀN GIANG

Địa bàn của tỉnh phức tạp, thủy vực tiếp giáp với nhiều tỉnh nên công tác kiểm tra, kiểm soát của lực lượng bảo vệ nguồn lợi thủy sản gặp nhiều khó khăn. Với sự quan tâm của UBND tỉnh, các ngành liên quan, được sự

chỉ đạo sát sao của Sở Thủy sản, năm 2000 Chi cục đã tổ chức được 34 đợt kiểm tra về các lĩnh vực nhập tôm giống, cơ sở kinh doanh giống và các phương tiện khai thác, lập 129 biên bản vi phạm về qui định bảo vệ nguồn lợi thủy sản, thu phạt và nộp ngân sách nhà nước 42 triệu đồng. Tình hình thời tiết năm qua tuy có nhiều biến động, chênh lệch nồng độ muối giữa nơi sản xuất tôm giống và khu vực nuôi, nhưng qua 8 đợt bệnh tôm tổng diện tích trên 182,5ha, tỉ lệ thiệt hại từ 33 - 100% với chỉ đạo kịp thời, Chi cục đã tiến hành thu mẫu phân tích và khuyến cáo cho ngư dân chú ý các yếu tố: cải tạo ao, đắm đúng kĩ thuật, đặc biệt qui hoạch và vận hành nước trong từng khu vực nuôi tập trung phải hoàn chỉnh và thống nhất mật độ thả nuôi phải thích hợp; vì vậy các hộ nuôi theo các mô hình công nghiệp bán công nghiệp, quảng canh cải tiến đều có lãi. Lãnh đạo Chi cục đặc biệt quan tâm đến việc tăng cường năng lực, nâng cao trình độ nghiệp vụ, chính trị cho cán bộ: 10 lượt cán bộ đi học chuyên môn, 5 cán bộ học lớp chính trị và 3 cán bộ đi bồi dưỡng chính trị để kết nạp Đảng■

NHỮNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT VỀ GIỐNG ÁP DỤNG TRONG PHÁT TRIỂN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN Ở TUYÊN QUANG

◆ HOÀNG THI QUÍ

Sở KHCN & MT Tuyên Quang

Để năng suất và chất lượng vật nuôi, cây trồng không ngừng nâng cao đáp ứng yêu cầu của sản xuất và tiêu dùng; trong sản xuất nông nghiệp nói chung, trong nuôi trồng thủy sản nói riêng - công tác giống luôn là tiên đề và giữ vai trò then chốt.

Tuyên Quang là một tỉnh miền núi, song có nhiều tiềm năng để nuôi trồng thủy sản. Với 10.500 ha mặt nước ao nhỏ gia đình, hồ thủy lợi, mặt nước ruộng, sông, suối; nguồn thức ăn trong tự nhiên nuôi cá dễ kiếm, nhân dân Tuyên Quang có kinh nghiệm nuôi cá lâu đời; sông suối Tuyên Quang có nhiều loài cá đặc sản có giá trị dinh dưỡng và kinh tế cao như: cá chiên, lăng, dầm xanh, anh vũ, bống.... Đây là những điều kiện thuận lợi để nhân dân phát triển nuôi trồng thủy sản.

Trong những năm qua được sự quan tâm của tỉnh đối với việc phát triển nuôi trồng thủy sản; như: đầu tư cho vay vốn sản xuất, gần chương trình thủy lợi hóa với

phát triển chăn nuôi thủy sản, tổ chức thực hiện công tác khuyến ngư, chuyển giao TBKT nuôi thủy sản, khuyến khích nhân dân tận dụng các diện tích mặt nước để nuôi cá... những việc làm đó đã góp phần làm cho năng suất nuôi trồng thủy sản ở Tuyên Quang ngày một tăng, năng suất vùng nước được nâng cao, tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên đất và nước, sản xuất đem lại hiệu quả. Cụ thể: năm 1990, sản lượng cá thịt của tỉnh đạt 640 tấn; năm 1995 đạt 881 tấn; năm 1999 là 1.198 tấn. Sản lượng cá hương, giống năm 1990 là 450 vạn con, 1995: 650 con, năm 1999: 800 vạn con.

Sản xuất cá thịt tăng, đòi hỏi về số lượng và chất lượng giống cá cũng phải tăng lên. Thời gian qua, thủy sản tỉnh Tuyên Quang đã từng bước cải tiến, áp dụng những kết quả TBKT trong công tác giống và đạt được những kết quả đáng khích lệ.

Những năm 1970 - 1980, ở Tuyên Quang việc cho đẻ nhân tạo và ương nuôi cá hương, giống

những loài cá truyền thống như: cá mè, trôi, trắm, chép... áp dụng theo qui trình chuyên ngành ban hành nhưng năng suất đạt vẫn thấp. Sản lượng cá bột ít đã không đủ cho ương nuôi thành cá giống nên hàng năm vẫn phải nhập của miền xuôi từ 20-30 triệu cá bột để ương thành cá giống và nhập từ 100-150 vạn cá hương để phục vụ phong trào nuôi cá của nhân dân trong tỉnh.

Không chịu bó tay trước những trở ngại khi thực hiện qui trình sinh sản nhân tạo và ương nuôi cá bột, những người làm nghề cá của tỉnh đã kiên trì thử nghiệm, cải tiến qui trình sinh sản nhân tạo từ khâu nuôi vỗ cá bố mẹ bằng những loại thức ăn gì cho phù hợp với từng giai đoạn phát dục của cá; điều chỉnh mật độ nuôi cá bố mẹ thích hợp với điều kiện ao nuôi (độ sâu, chất nước, chất đáy...) để có chế độ kích thích nước cho cá phát dục tốt; xác định các dạng hình bụng cá bố mẹ để lựa chọn cho đẻ; sử dụng và phối hợp các loại thuốc kích dục đúng liều lượng phù hợp với sự phát dục của cá bố mẹ nuôi

vỏ trong điều kiện miền núi; cải tiến kiểu dáng và chế độ kích thích nước của bể đẻ ấp trứng: thay bể đẻ hình thuyền bằng xây bể mới hình tròn, tạo dòng chảy quanh êm phù hợp với tập tính vật đẻ của từng loài, làm cho tỉ lệ thụ tinh tăng từ 30-50% lên 70 - 80%. Bể ấp trứng cũng được thay đổi đặt lại các vòi phun nước tạo áp suất nhỏ nhất lên bề mặt sẫm ấp làm cho sẫm thoát nước tốt, vỏ trứng và các hoạt huyền phù trong nước ấp thoát nhanh, hiện tượng thối bần do sự phân hủy vỏ trứng giảm đi đáng kể làm cho nước bể ấp luôn sạch, cá bột nở ra khỏe mạnh, tỉ lệ sống cao tăng từ 40-50% lên 60-70%. Việc cải tiến kĩ thuật trên đã đáp ứng thoả mãn các điều kiện sinh thái của từng loài cá.... những người làm nghề cá đã tổng kết được một qui trình sinh sản nhân tạo các loài cá nuôi truyền thống phù hợp với các điều kiện thủy vực hiện có của mình, sản xuất ra cá bột có sản lượng cao, ổn định hơn và ương nuôi đạt tỉ lệ sống cao, chất lượng con giống tốt, đáp ứng nhu cầu thực tế phát triển nuôi cá trong toàn tỉnh. Từ chỗ năng suất cá bột chỉ đạt bình quân 2 vạn con/1kg cá cái đã tăng lên 6-8 vạn con/1 kg cá cái.

Nhờ cải tiến kĩ thuật và áp dụng TBKH-CN trong việc sản xuất cá giống, từ năm 1993 trở lại đây, Tuyên Quang đã không còn phải nhập cá bột, cá hương, giống từ miền xuôi. Cá giống ở Tuyên Quang còn được xuất bán sang các tỉnh Thái Nguyên, Yên Bái, Hà Giang. Năm 2000, sản lượng cá bột trong tỉnh đạt 180 triệu con, tăng 450% so với năm 1990; cá hương, giống đạt 860 vạn con - tăng 191% so với năm 1990.

Không dừng lại ở việc cải tiến, xây dựng một qui trình sinh sản nhân tạo, một qui trình ương cá

hương, giống có tỉ lệ sống cao, chất lượng giống tốt. Ngành thủy sản tỉnh Tuyên Quang còn áp dụng tiến bộ mới trong công tác giống, cụ thể là: Di nhập một số loài cá mới nhập nội như cá rô hu, cá mrigal của Ấn Độ từ năm 1982 - nuôi, theo dõi, nghiên cứu trong điều kiện khí hậu, đất, nước của Tuyên Quang và đã cho đẻ thành công 2 loài cá này với năng suất, sản lượng không thua kém các loài cá truyền thống.

Năm 1998, thủy sản Tuyên Quang đã tiếp tục nhập một số loài cá nuôi có năng suất, chất lượng cao như: cá chép lai 3 máu (chép Hunggari + chép Việt Nam + chép Indonexia) có tốc độ lớn gấp 1,5 - 2 lần cá chép Việt Nam; cá rô phi đơn tính chỉ nuôi sau 3 tháng đã cho thu hoạch, cỡ cá 0,2 - 0,3 kg/con.

Trước những nhu cầu xã hội ngày một cao về số lượng và chất lượng lương thực, thực phẩm, để sản xuất ra những loài cá to, phẩm chất thịt ngon với số lượng nhiều đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, ngành thủy sản tỉnh Tuyên Quang không chỉ dừng lại ở việc cải tiến kĩ thuật, di nhập một số loài cá mới có năng suất chất lượng mà cần phải đánh giá rõ hơn về tiềm năng, nhìn nhận một cách toàn diện về phát triển nuôi thủy sản và công tác giống, để tạo ra những thay đổi đáng kể góp phần phục vụ tốt cho các chương trình phát triển kinh tế của tỉnh, nhất là việc xóa đói, giảm nghèo, tiến tới có tích lũy nhờ chăn nuôi thủy sản.

Trong những năm tới, để việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở Tuyên Quang đạt hiệu quả, về khía cạnh khoa học công nghệ, cần chú trọng giải quyết một số vấn đề sau:

1. Đẩy nhanh việc chuyển giao khoa học công nghệ bằng nguồn vốn khoa học có lồng ghép

với các chương trình khác của tỉnh để xây dựng các mô hình nuôi cá thâm canh, nuôi cá ruộng, nuôi cá thịt bằng giống mới có năng suất cao, nuôi cá eo ngách của các hồ thủy lợi, nuôi cá lồng cải tiến... mà trọng tâm là chuyển giao công nghệ thích hợp và cần có thời gian dài với qui mô ngày càng mở rộng.

2. Nghiên cứu để bảo tồn nguồn gen quý của các loài cá bản địa quý hiếm có giá trị kinh tế cao như: bống, chiên, lăng, dầm xanh, anh vũ. Trong thời gian tới cần thuần dưỡng các loài cá này và tiến tới sinh sản nhân tạo được con giống để cung cấp cho nhân dân nuôi ngoài lồng, trong ao với một qui trình tiên tiến đem lại hiệu quả kinh tế cao, cung cấp đủ sản phẩm cho các nhà hàng đặc sản, tiến đến xuất khẩu, tạo mũi nhọn mới về phát triển kinh tế của tỉnh.

3. Trước mắt, để có con giống chất lượng cao ở các loài cá hiện có như: mè trôi, trắm, chép..., cần tập trung cải tạo đàn cá bố mẹ hiện tại, tạo ra đàn cá sinh sản có bộ gen di truyền thuần chủng, có năng suất sinh học cao; đồng thời ứng dụng các chương trình thử nghiệm mới như: nuôi tôm càng xanh trong ruộng lúa, nuôi tôm sú đã được thuần dưỡng thích hợp với nước ngọt, nuôi cá chim trắng... tạo ra sản phẩm đa dạng phong phú.

4. Đẩy mạnh việc phát triển và chuyển giao công nghệ bảo quản và chế biến sản phẩm thủy sản cho phù hợp với qui mô sản xuất, với năng lực quản lí kinh doanh và đầu tư của nhân dân, nhất là đáp ứng nhu cầu của thị trường, có như vậy mới thực hiện được mục tiêu của Đảng là: tăng trưởng kinh tế gắn với cải thiện đời sống nhân dân, góp phần thực hiện sự nghiệp CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn ■

KẾT QUẢ VIỆC THỰC HIỆN MÔ HÌNH LẮP MÁY ĐÁ VẦY LÀM BẰNG NƯỚC BIỂN TRÊN TÀU KHAI THÁC HẢI SẢN XA BỜ

◆ **TRẦN MẠNH TUẤN**

Từ năm 1997-1999 thực hiện chương trình khai thác hải sản xa bờ (KTHSXB) của Chính phủ, ngành thủy sản Nam Định được đầu tư vốn vay ưu đãi gần 80 tỉ đồng đóng mới và cải hoán 25 đôi tàu KTHSXB có công suất từ 300-500 CV/chiếc, từ đó giúp cho sản lượng khai thác cá biển của tỉnh tăng lên rõ rệt. Tuy nhiên, một trong những điều bất cập làm ảnh hưởng lớn đến hiệu quả đánh bắt trên biển là khâu dịch vụ hậu cần chưa đồng bộ, đó là khâu cung cấp nước đá thường xuyên và kịp thời để các phương tiện yên tâm dài ngày bám biển.

Nhằm khắc phục điều này, Trung tâm khuyến ngư Trung ương, Sở Thủy sản và Trung tâm khuyến ngư tỉnh Nam Định đã xây dựng mô hình "Lắp đá vảy làm bằng nước biển trên tàu KTHSXB". Đơn vị đầu tiên thực hiện mô hình là HTX đánh cá Tân Hải thuộc huyện Hải Hậu. Với 2 con tàu có công suất 365 CV/chiếc phục vụ cho KTHSXB, sau khi tính toán HTX lắp đặt một máy làm đá phục vụ cho cả đôi tàu loại Mar03 của hãng chế tạo Scotsman (Mỹ-Ý) năng suất đá 1.950 kg/24 giờ.

Qua thời gian sản xuất dài ngày (10-13 ngày)/chuyến trên biển, máy làm đá vảy bằng nước biển đã phát huy tác dụng tích cực. Theo đánh giá của chủ nhiệm HTX, thuyền trưởng, máy trưởng có máy đá trên tàu KTHSXB:

- Phương tiện hoàn toàn chủ động, tiết kiệm được thời gian (không phải chờ lấy đá ở ven bờ) để

chuyên tâm sản xuất.

- Máy hoạt động tốt ở điều kiện biển động tới cấp 6, sau khi máy chạy 5-10 phút có đá vảy tiến hành ướp đá được ngay giảm được chi phí lao động và máy móc cho việc xay đá cây như trước đây.

- Dùng đá vảy làm bằng nước biển, chất lượng sản phẩm hải sản được nâng lên rõ rệt do đá vảy có độ mềm hơn đá cây sau khi xay ra, cá không bị sây sát, độ mặn trong thịt cá không bị giảm, giá cá bán được tăng lên bình quân 170-180đ/kg, trung bình một chuyến đi biển 10-12 ngày sản lượng đánh bắt khoảng 75-80.000kg lợi được khoảng trên dưới 10.000.000đ.

- Nhiệt độ âm sâu của đá vảy làm bằng nước biển cao hơn đá cây từ -5 đến -7°C.

- Mức tiêu hoá đá vảy trên một đơn vị sản phẩm giảm, nếu dùng đá vảy bình quân cần 0,8 - 1 đá/1 cá, nếu dùng đá cây mang theo như trước đây thì hết 2-2,2 đá/1 cá do đá chảy trong quá trình lưu trữ đá trên tàu.

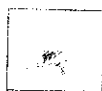
- Tiết kiệm được chi phí trên dưới 1 triệu đồng theo tính toán khi phải mua đá cây và mua dầu chạy máy đá trên

tàu.

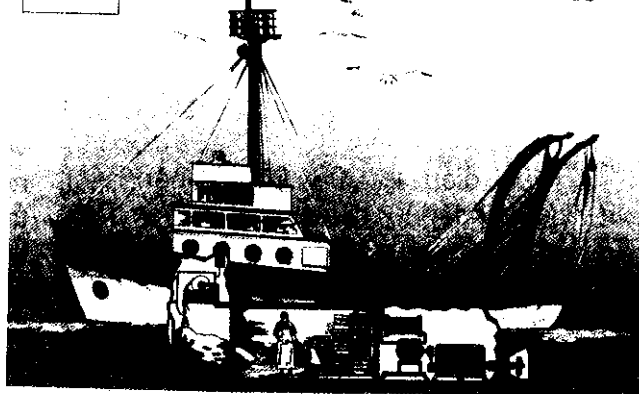
- Giảm được trọng lượng tàu lúc ra khơi khoảng 35-40 tấn do không phải mang đá, tiết kiệm được 1.600 lít dầu diesel tương đương 6,4 triệu đồng.

Như vậy hạch toán đầy đủ một chuyến đi biển một đôi tàu của HTX đánh cá Tân Hải khi lắp một máy loại Mar 03 phục vụ cho cả đôi tàu lợi 16-18 triệu đồng. Một năm trung bình 23-24 chuyến đi biển, tiết kiệm so với trước đây là 350-400 triệu đồng/năm.

Đây là mô hình lắp máy đá vảy làm bằng nước biển trên tàu KTHSXB đầu tiên được thực hiện tại HTX đánh cá Tân Hải, qua thời gian đi biển của đôi tàu, máy làm đá hoạt động tốt, không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của tàu, bảo đảm chất lượng sản phẩm sau thu hoạch, hiệu quả sản xuất tăng lên rõ rệt. Từ đây có thể nhân rộng ra trên các tàu KTHSXB trên cả nước ■



**MÁY SẢN XUẤT NƯỚC ĐÁ VẦY TỪ NƯỚC BIỂN
ĐẶT TRÊN TÀU ĐÁNH CÁ XA BỜ**



HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN

● HAI TẬP THỂ VÀ MỘT CÁ NHÂN CỦA NGÀNH THỦY SẢN ĐƯỢC THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TẶNG BẰNG KHEN

Phong trào thi đua 2 giải "Giải việc nước - Đảm việc nhà" 5 năm (1995-2000) trong nữ công nhân lao động đã thực sự là một hoạt động xã hội có ý nghĩa lớn, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc... Nhân tổng kết 5 năm, vừa qua, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1084/QĐ-TTg ngày 2/11/2000 tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 33 tập thể và 34 cá nhân thuộc Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Ủy ban quốc gia "Vi sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam", trong đó ngành thủy sản có 2 tập thể và 1 cá nhân là:

1. Tập thể:

Tập thể nữ công nhân viên chức, lao động Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long (Hải Phòng).

Tập thể nữ công nhân lao động Công ty XNK thủy đặc sản (tp. Hồ Chí Minh).

2. Cá nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng Minh - Thứ trưởng Bộ Thủy sản, Trưởng Ban "Vi sự tiến bộ của phụ nữ ngành thủy sản" vì đã có nhiều thành tích trong phong trào thi đua nữ công nhân viên chức, lao động "Giải việc nước - Đảm việc nhà" 5 năm (1995-2000) góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc.

● THÀNH LẬP CĐ TỔNG CÔNG TY TRONG NGÀNH THỦY SẢN

Theo điều lệ của Công đoàn Việt Nam, được sự đồng ý của Đoàn chủ tịch TLD LĐVN và sự thống nhất của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của các tổng công ty thủy sản, ngày 20/10/2000 CĐT SVN đã ra các quyết định số 192, 193, 194 về việc

thành lập công đoàn các Tổng công ty Hải sản Biển đông, Tổng công ty Thủy sản Hạ Long, Tổng công ty Thủy sản Việt Nam.

Ngày 1/11/2000 tại thành phố Hồ Chí Minh, CĐT SVN đã tổ chức lễ ra mắt Ban chấp hành lâm thời Công đoàn Tổng công ty hải sản Biển Đông gồm 15 đồng chí do đ/c Lê Minh Thu làm chủ tịch và 2 phó chủ tịch là Phạm Trung Tín và Nguyễn Văn Diệm.

Ngày 1/12/2000 tại thành phố Hải Phòng, CĐT SVN cũng đã tổ chức lễ ra mắt BCH lâm thời CĐ Tổng Công ty thủy sản Hạ Long gồm 15 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Thị Đón làm chủ tịch, đồng chí Trần Quốc Bằng làm phó chủ tịch.

Theo dự kiến cuối tháng 12 năm 2000 sẽ tổ chức lễ ra mắt cho BCH lâm thời của công đoàn Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam.

Ba tổng công ty của ngành thủy sản được Bộ Thủy sản ra quyết định thành lập từ năm 1996, nhưng đến nay mới có quyết định thành lập công đoàn tổng công ty. Đây là bước quan trọng cần thiết để tháo gỡ những khó khăn về tổ chức và hoạt động của công đoàn ngành thủy sản.

● SƠ KẾT ĐỢT 1 VIỆC ĐÓNG GÓP CỦA CÔNG ĐOÀN THỦY SẢN VIỆT NAM GIÚP TỈNH SÓC TRĂNG XOÁ ĐỐI GIẢM NGHÈO

Thực hiện quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Thủy sản giúp tỉnh Sóc Trăng xoá đói giảm nghèo, ngày 6/7/2000 CĐT SVN đã có công văn số 106 CV/CĐTS về việc ủng hộ tỉnh Sóc Trăng xoá đói giảm nghèo. Đến 20/11/2000 đã có 28/49 đơn vị trong ngành thủy sản gửi về CĐT SVN với số tiền 110.843.000 đồng. CĐT SVN và Bộ thủy sản đã xây và bàn giao 08 căn nhà tình nghĩa cho các đối tượng chính sách tại tỉnh Sóc Trăng vào tháng 9/2000.

Công đoàn Thủy sản Việt Nam kính đề nghị các đơn vị còn lại cố gắng tiết kiệm chi tiêu, với tinh thần "nhường cơm sẻ áo" để tiếp tục hoàn thành việc giúp đỡ tỉnh Sóc

Trăng xoá đói giảm nghèo theo tinh thần các quyết định của Thủ tướng Chính phủ và của Bộ Thủy sản.

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ ỦNG HỘ (Đơn vị : triệu đồng)

Tên đơn vị	Số tiền	Tên đơn vị	Số tiền
1. Tổng Cty TS Việt Nam	21	15. Công ty XNK thủy sản Hà Nội	1,795
2. Viện KT và QH Thủy sản	1	16. SEAQIP	3
3. Dự án ADB	1	17. Quảng Trị	2,048
4. Trường Trung học KTTS I	1	18. C.ty cổ phần đồ hộp Hạ Long	20
5. Bà Rịa - Vũng Tàu	2	19. Tiền Giang	2
6. Trung tâm Thông Tin (BTS)	1	20. Thanh Hoá	2
7. Cần Thơ	3	21. Quảng Ninh	2
8. Cơ quan Bộ Thủy sản	2	22. Bến Tre	2
9. NAFIQACEN	1	23. Nghệ An	2
10. Bạc Liêu	2	24. C.ty Kỹ nghệ lạnh (tp. HCM)	2
11. Cục BV & PTNLTS	2	25. Viện NC hải sản Hải Phòng	1
12. Hải Phòng	3	26. Cà Mau	8,16
13. T. Công ty TS Hạ Long	10	27. Thừa Thiên - Huế	2
14. T. Công ty hải sản Biển Đông	10	28. Trường TH kĩ thuật thủy sản II	1

Trong khuôn khổ dự án RAS/97/M11/DAN do tổ chức Lao động quốc tế (ILO) tài trợ cho Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, ngày 8 - 10/11/2000 tại Hà Nội, Công đoàn Thủy sản Việt Nam đã phối hợp với Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam tổ chức lớp tập huấn cho các cán bộ công đoàn các tỉnh Miền Trung và phía Bắc về khu vực lao động phi kết cấu. Lớp tập huấn kéo dài trong 3 ngày với 25 học viên của 9 tỉnh ở Miền Trung và Miền Bắc. Đây là lớp tập huấn đào tạo các giảng viên sau này có nhiệm vụ hướng dẫn về điều tra, tìm hiểu, tổ chức phát triển đoàn viên công đoàn trong khu vực phi kết cấu.

Đối với Việt Nam, phi kết cấu là một khái niệm mới, chưa được nghiên cứu nhiều

nên cần được bổ sung, phát triển về mọi mặt cũng như trong lĩnh vực hoạt động công đoàn.

Dự kiến tháng 12/2000, Công đoàn Thủy sản Việt Nam sẽ tiếp tục phối hợp với các cán bộ của dự án để mở lớp tiếp theo cho cán bộ công đoàn ngành thủy sản tại các tỉnh thuộc khu vực Trung và Nam Trung Bộ.



TỔNG MỤC LỤC NĂM 2000

TÁC GIẢ	TÊN BÀI	SỐ	TRANG
Tạ Quang Ngọc	Thư chúc mừng năm mới của Bộ trưởng Bộ Thủy sản	1(76)	1
Tạ Quang Ngọc	Để đưa ngành Thủy sản phát triển mạnh mẽ và bền vững trong thập kỷ mới	1(76)	2
TCIS	Phát huy thắng lợi năm 1999, phấn đấu năm 2000 ghi thêm mốc son mới	1(76)	4
***	Mục tiêu, nguyên tắc chỉ đạo và chính sách của Nhà nước cho phát triển nuôi trồng thủy sản đến năm 2000	1(76)	6
Tạ Quang Ngọc	Ghi sâu lời Bác dạy, biến ý chí thành hành động cách mạng, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2000	2 (77)	1
Nguyễn Khắc Ngân	Thủy sản thành phố Hồ Chí Minh trên chặng đường phát triển	2 (77)	5
Đỗ Đức Hạnh	Về một công trình khoa học được đề nghị xét tặng giải thưởng Hồ Chí Minh	2 (77)	7
Lê Hoàng	Qua một năm triển khai thực hiện chương trình phát triển xuất khẩu thủy sản	2 (77)	11
TCTS	Cuộc tôn vinh những tấm gương luôn vượt trên đầu sóng ngọn gió	3 (78)	1
Tạ Quang Ngọc	Thư Bộ trưởng Bộ Thủy sản nhân ngày báo chí 21/6	3 (78)	2
Nguyễn Ngọc Hồng	Ngành Thủy sản hướng tới Đại Hội thi Đua toàn quốc lần thứ VI năm 2000	3 (78)	3
Tư Mã Quang	Công ty quốc doanh đánh cá Kiên Giang: Cá nhân anh hùng, Tập thể anh hùng	3 (78)	8
Nguyễn Bá Sơn	Công ty XNK thủy sản An Giang: Cá Ba Sa từ sông Tiền, sông Hậu đi ra thế giới	3 (78)	11
Sơn Bá	Phạm Văn Hoat giám đốc giỏi miền Trung	3 (78)	14
Minh Hoàng	Nước mắm Cát Hải, hương vị biển Hải Phòng	3 (78)	16
Tạ Quang Ngọc	Thư của Bộ Trưởng Bộ Thủy sản gửi Tạp chí Thủy sản nhân 15 năm xuất bản số đầu tiên	4 (79)	2
Minh Quang	Đại hội thi Đua ngành Thủy sản cuộc hội ngộ tung bừng	4 (79)	3
Phó Thủ tướng Nguyễn Công Tạn	Ngành Thủy sản Việt Nam sẽ phát triển mạnh mẽ hơn nữa, sẽ có thêm nhiều bông hoa đẹp của phong trào thi đua yêu nước	4 (79)	5
***	Những tấm gương lao động ngành Thủy sản trong thời kỳ đổi mới (1989-2000)	4 (79)	7
***	Ngành Thủy sản sơ kết thực hiện 6 tháng đầu năm và bàn biện pháp hoàn thành nhiệm vụ năm 2000	4 (79)	8
Sơn Lâm	Xí nghiệp chế biến thủy xúc sản xuất khẩu Cần Thơ	4 (79)	12
Nguyễn Thị Hồng	Giữa mắt bão	4 (79)	14
Hồ Thọ	Nhìn lại và suy ngẫm	4 (79)	15
Đỗ Đức Hạnh	Chặng đường 15 năm của Tạp chí Thủy sản	4 (79)	16
Trần Mai Thiên	Vài dòng gửi Tạp chí Thủy sản	4 (79)	17
***	Thư của Tổng bí Thư Lê Khả Phiêu gửi ngành thủy sản	5 (80)	1
***	Ngành Thủy sản hướng về đồng bào Nam Bộ đang bị thiên tai lũ lụt	5 (80)	1
HH	Lễ mừng ngành thủy sản Việt Nam xuất khẩu đạt 1 tỷ USD	5 (80)	2
***	Ba công trình khoa học công nghệ ngành thủy sản được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh và giải thưởng Nhà nước	5 (80)	3
Hoàng Minh	Bây giờ đã tới tháng mười	5 (80)	4
Tạ Quang Ngọc	Nghị quyết 09/2000/NQ-CP mở hướng cho thủy sản phát triển vững chắc	5 (80)	6

Lê Quyến	Lê Thị Tâm từ nhà giáo trở thành chủ doanh nghiệp	5 (80)	7
Hoàng Văn	Nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ góp phần phát triển ngành thủy sản	5 (80)	8
Văn Phú	Công ty XNK thủy đặc sản (Seaspimex) đơn vị anh hùng lao động vững vàng trong cơ chế thị trường	5 (80)	10
Đỗ Hoàng	Công ty nuôi tôm Thừa Thiên - Huế vượt khó khăn sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao	5 (80)	12
TS Đào Mạnh Sơn	Nguồn lợi hải sản vùng biển xa bờ Việt Nam	5 (80)	15
Nguyễn Văn Hải	Hồ Tây khu bảo tồn thiên nhiên vô giá	5 (80)	16
Nguyễn Ngọc Hồng	Tìm kiếm cứu nạn người và tàu thuyền đánh cá nhiệm vụ được ngành thủy sản thường xuyên quan tâm	6 (81)	3
***	Kế hoạch phát triển của ngành thủy sản thời kì 2001-2005	6 (81)	8
Nguyễn Thành Hưng	Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành thủy sản nước ta	6 (81)	9
***	Về tình hình thiệt hại do lũ lụt gây ra đối với ngành thủy sản ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và một số biện pháp khắc phục hậu quả.	6 (81)	13
Hồng Quang	Công ty xuất khẩu Thủy sản II Quảng Ninh mạnh dần lên trong những năm đổi mới.	6 (81)	15
Lê Quyết	Thủy sản Thanh Hóa từ một đề án khả thi	6 (81)	17
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ			
PTS Nguyễn Văn Lê	Cholesterol và tác dụng của mỡ cá với sức khỏe con người	1 (76)	8
PT	Nam Rong kể chuyện cá rồng biển	1 (76)	9
***	Chương trình hoạt động khoa học công nghệ thủy sản năm 2000	1 (76)	11
TS Phạm Anh Tuấn, Trần Thị Thuý Hà	Ảnh hưởng của nhiệt độ đến tỉ lệ giới tính cá rô phi <i>Oreochromis niloticus</i> L	2 (77)	13
Phạm Xuân Thuý Nguyễn Trọng Nho Nguyễn Thế Nhã	Đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội nghề nuôi tôm sú thương phẩm ở tỉnh Khánh Hòa	3 (78)	20
Thạc sĩ Phan Trọng Huyền	Bước đầu nghiên cứu ảnh hưởng của nghề lưới kéo đến nguồn lợi tôm ở Cà Mau	4 (79)	19
Hoàng Hà Nội	Thực tiễn và các giải pháp cải thiện điều kiện lao động đối với lao động nữ trong ngành thủy sản	4 (79)	24
Thạc sĩ Lê Xuân Tài	Nghiên cứu một vài thông số của lưới kéo liên quan đến tính chọn lọc cá bằng phương pháp phân tích logic thông tin	5 (80)	17
Thạc sĩ Lê Đức Trung; Kỹ sư Nguyễn Tiến Lực; Thạc sĩ Trần Hùng Dũng	Triển vọng ứng dụng kỹ thuật tăng sôi nhằm nâng cao hiệu quả quá trình sấy thức ăn nuôi thủy sản	5 (80)	20
Thạc sĩ Lê Văn Khẩn	Hạn chế hao hụt khối lượng mực ống trong bảo quản đông băng biện pháp hóa học	6 (81)	19
Ý KIẾN TRAO ĐỔI			
Hồ Thọ	Sắp xếp lại lực lượng khai thác, đầu tư chiều sâu là lối ra cho khai thác hải sản xa bờ	1 (76)	12
Đặng Trần Duy	Hợp tác giữa thủy sản và khí tượng thủy văn cần sớm được nối lại và nâng lên tầm cao mới	1 (76)	14
Nguyễn Oanh	Ngày xuân tìm hiểu một số món ăn thủy sản	1 (76)	15
Thuý Ngọc	Có nên bãi bỏ việc cấp giấy phép hoạt động nghề cá	2 (77)	16
Lê Sỹ Hải	Một số vấn đề trong sản xuất các mặt hàng thủy sản ở nước ta	6 (81)	21
Tô Văn Vỹ	Thuế VAT cho sản xuất nước da và hoàn thuế đầu vào ở các xí nghiệp chế biến thủy sản còn bất hợp lý	6 (81)	24

	VẤN ĐỀ THAM KHẢO		
Nguyễn Văn Sửu MP ***	Thế nào là nuôi thủy sản công nghiệp Nuôi cá nước ngọt ở Việt Nam nửa đầu thế kỉ 20 Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm của Bộ Thủy sản	1 (76) 1 (76) 1 (76)	16 17 17
	NGHỀ CÁ NƯỚC NGOÀI		
Hà Trang ***	Nghề nuôi thủy sản Đài Loan bước phát triển về tổ chức quản lí Hội thảo tư vấn quản lí bền vững nguồn lợi hải sản vùng biển thêm lục địa Việt Nam	1 (76) 1 (76)	18 19
Hoàng Hà	Phát triển nuôi trồng thủy sản ở Trung Quốc có gì thay đổi	2 (77)	18
	BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN		
Đức Trung	Năm 1999 hoạt động phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn đã hạn chế nhiều thiệt hại do thiên tai gây ra	1 (76)	20
Nguyễn Trọng Bình	Tuyên truyền phổ biến pháp luật trong cộng đồng ngư dân, một nhiệm vụ cấp bách và thường xuyên	1 (76)	22
Minh Phương	Thanh tra kiểm tra trên biển đã góp phần đưa hoạt động nghề cá Kiên Giang dần đi vào nền nếp	1 (76)	23
Võ Sỹ Tuấn	Xây dựng hệ thống khu bảo tồn biển một biện pháp hữu hiệu để bảo vệ và duy trì bền vững nguồn lợi thủy sản	1 (76)	25
Hứa Chiến Thắng	Làm gì để quản lí và ngăn ngừa ô nhiễm biển ở Việt Nam	1 (76)	28
Đặng Trần Duy ***	Năm Rồng đổi điều về vôi rồng, tố, lộc Tổng kết 10 năm thực hiện pháp lệnh BV & PINLTS	1 (76) 1 (76)	30 32
Vũ Huy Thủ Tất Đạt	Làm gì để phòng chống lụt, bão, giảm nhẹ thiên tai có hiệu quả ? Tình hình thực hiện Chỉ thị 01/1998/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ sau 2 năm	2 (77) 2 (77)	21 23
Quang Vũ	Lại nói về đảm bảo an toàn cho người và phương tiện nghề cá hoạt động trên biển	2 (77)	25
***	Trích Chỉ thị 01/2000/CT-BTS	2 (77)	28
***	Thử nghiệm thành công máy thu phát trực canh tự động thông tin cứu nạn	2 (77)	29
***	Tiêu chuẩn chất lượng mặt nước cho nuôi trồng thủy sản Thái Lan	2 (77)	30
Cầm Văn ***	Bảo tồn đa dạng sinh học biển Hỏi - đáp về thú y thủy sản	3 (78) 3 (78)	25 28
Nguyễn Ngọc ***	Thái Bình sau hơn hai năm thực hiện Chỉ thị 01/1998/CT-TTg Các tội phạm về môi trường	3 (78) 3 (78)	29 30
Hoàng Minh Tuấn ***	Bình Thuận kiên quyết xử lí vi phạm trong khai thác thủy sản Quản lí nguồn lợi thủy sản tại các công viên biển Malaixia	3 (78) 3 (78)	32 33
Vũ Văn Dũng	Sóc Trăng hứa hẹn một mùa tôm	3 (78)	35
Lê Hữu Nhạc	Di giống tôm sú miền Trung ra miền Bắc nuôi vụ xuân hè năm 2000	3 (78)	36
Đào Văn Thiện	5 Năm hoạt động của thanh tra BVNLTs	4 (79)	26
Lê Hà	Vấn đề giáo dục pháp luật BVNLTs cho ngư dân	4 (79)	28
Hoàng Nguyên	Sau Quyết định 19 của Thủ tướng Chính phủ chuyển biển trong công tác quản lí giống tôm biển ở Bến Tre	4 (79)	31
Lê Hồng Lĩnh	Nghề An sau 2 năm thực hiện Chỉ thị 01/1998/CT-TTg	4 (79)	32
Nguyễn Khánh ***	Nghề cá ở các tỉnh phía Nam trước mùa mưa bão năm 2000 Tìm hiểu luật nghề cá Trung Quốc	4 (79) 4 (79)	33 35
TS. Nguyễn Huy Yết	Bảo vệ hệ sinh thái san hô để phát triển bền vững NLTS	5 (80)	25
TS. Vũ Huy Thủ Cầm Văn	Môi trường làm việc và bệnh nghề nghiệp của lao động nghề cá Các giải pháp an toàn nguồn lợi và môi trường sống của các loài thủy sản phục vụ các chương trình lớn của ngành thủy sản	5 (80) 5 (80)	28 30
Hoàng Nguyên	Quản lí lao động nghề cá một công tác bức xúc ở Bến Tre hiện nay	5 (80)	33
Nguyễn Thu Huệ	Những vấn đề cần quan tâm trong thương mại cá rạn tại khu vực	5 (80)	34

Lê Minh *** TS.Vũ Huy Thủ Minh Hệ Hoàng Nguyên	Đông Nam Á Nuôi cá bằng nước thải ở Hà Nội vấn đề cần quan tâm Cuộc diễn tập PCLB & TKCN tại Quy Nhơn - Bình Định Bảo đảm an toàn cho người và phương tiện hoạt động nghề cá để phát triển sản xuất Pháo hiệu báo bão trên biển Bến Tre ba năm nhìn lại việc triển khai thực hiện Chỉ thị 01/1998/CT-TTg	5 (80) 6 (81) 6 (81) 6 (81) 6 (81)	37 25 27 29 31
KHUYẾN NGƯ			
Minh Phương Nguyễn Thị Liên Hải Hồ Thanh Hiền VNC Nguyễn Văn Thành *** *** *** LH Thanh Hà Thanh Hà Nguyễn Hùng Thanh Hà Thanh Tùng LQ Đoàn Quang Sửu Hoàng Thị Quý Trần Mạnh Tuấn	Năm 2000 những nội dung chính trong công tác khuyến ngư Bước chuyển biến của nghề nuôi tôm tỉnh Bình Định năm 1999 và những vấn đề đặt ra Nuôi cá bè một số vấn đề cần quan tâm giải quyết Phải chăng ở Sông Cầu con tôm hùm đang lên ngôi Hội nghị triển khai chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản thời kỳ 1999-2010 các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long Tổ chức thực hiện công tác khuyến ngư năm 2000 ở các tỉnh phía Nam Hướng dẫn lập dự án khả thi đầu tư xây dựng vùng nuôi tôm công nghiệp Công tác khuyến ngư ở Yên Bái 10 điều bắt buộc áp dụng khi nuôi tôm sú thâm canh Tổng kết chương trình khuyến ngư trọng điểm thời kỳ 1994-2000 Bảo quản sản phẩm thủy sản sau thu hoạch Các biện pháp khống chế bệnh phát sáng ở tôm sú Kết quả thực hiện chương trình khuyến ngư trọng điểm ở Bắc Ninh Nhìn lại công tác khuyến ngư thời gian qua Kịp thời khắc phục hậu quả do lũ lụt gây ra cho nuôi thủy sản Hiệu quả kinh tế từ mô hình nuôi ngao ở một xã ven biển Kết quả bước đầu nuôi cá chim trắng ở miền Bắc Những tiến bộ kỹ thuật về giống áp dụng trong phát triển nuôi trồng thủy sản ở Tuyên Quang Kết quả thực hiện mô hình lắp máy đá vảy làm bằng nước biển trên tàu khai thác hải sản xa bờ	1 (76) 1 (76) 1 (76) 1 (76) 2 (77) 2 (77) 2 (77) 2 (77) 2 (77) 3 (78) 3 (78) 4 (79) 4 (79) 5 (80) 5 (80) 5 (80) 6 (81) 6 (81)	34 35 35 37 34 35 36 36 37 37 39 ✓ 39 40 37 38 38 39 35 37
HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN			
Tất Đạt Quang Tuyến *** *** *** *** *** *** *** *** *** ***	Cafatex đơn vị dẫn đầu các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu thủy sản của cả nước Nội dung chính của phong trào công nhân và hoạt động công đoàn thủy sản Việt Nam năm 2000 4 nhiệm vụ trọng tâm của CĐTSVN năm 2000 Xây dựng khu công nhân lao động không có tệ nạn xã hội tại XN đông lạnh xuất khẩu thủy sản Hoàng Trường Hội thi "bàn tay vàng" trong công nghiệp chế biến thủy sản hướng tới đại hội thi đua toàn ngành và toàn quốc năm 2000 CĐTSVN và Bộ Thủy sản kêu gọi toàn thể CBCNV và lao động trong ngành ủng hộ tỉnh Sóc Trăng "Xóa đói, giảm nghèo" Hội thi "bàn tay vàng" trong công nghệ chế biến thủy sản toàn quốc lần thứ nhất Trọng tâm các hoạt động công đoàn 6 tháng cuối năm Hội nghị tổng kết phong trào thi đua "giỏi việc nước đảm việc nhà" 5 năm (1995 - 2000) Trang công đoàn	1 (76) 1 (76) 2 (77) 2 (77) 3 (78) 3 (78) 4 (79) 4 (79) 5 (80) 6 (81)	40 42 41 43 40 40 42 43 40 38



TẠP CHÍ

thủy sản

**SỐ 6
2000**

Fisheries review

BIMONTHLY

N°6 (81) Nov. - Dec./2000

XUẤT BẢN 2 THÁNG MỘT KỲ

Tòa soạn: 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 8345457. Fax: 048.326702
Tổng biên tập: TS. Tạ Quang Ngọc

Headquater: 10 Nguyễn Công Hoan road, Ba Đình Dist, Hà Nội
Telephone: 8 345457. Fax 048.326702
Editor-in-Chief: Dr. Tạ Quang Ngọc

TRONG SỐ NÀY

● Bộ Thủy sản gặp mặt các anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc ***

● Tìm kiếm cứu nạn người và tàu thuyền đánh cá nhiệm vụ được ngành thủy sản thường xuyên quan tâm

Nguyễn Ngọc Hồng

● Kế hoạch phát triển của ngành thủy sản thời kì 2001-2005 ***

● Tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH ngành thủy sản

Nguyễn Thành Hưng

● Về tình hình thiệt hại do lũ lụt gây ra đối với ngành thủy sản ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và một số biện pháp khắc phục hậu quả ***

● Công ty XK thủy sản II Quảng Ninh mạnh dần lên trong những năm đổi mới

Hồng Quang

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

● Hạn chế hao hụt khối lượng mực ống trong bảo quản đông bằng biện pháp hoá học

Thạc sĩ Lê Văn Khẩn

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

● Một số vấn đề trong sản xuất các mặt hàng thủy sản ở nước ta

Lê Sỹ Hải

● Thuế VAT cho sản xuất nước đá và hoàn thuế đầu vào ở các xí nghiệp chế biến thủy sản còn bất hợp lí.

Tô Văn Vỹ

BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN

KHUYẾN NGŨ

HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN

1

3

8

9

13

15

19

21

24

25

35

38

IN THIS ISSUE

● Intimate meeting with Heroes of Labour and excellent labours of the country ***

● Seeking and saving fishermen and fishing boats from danger at sea paid regularly much attention by the Fisheries sector

Nguyen Ngoc Hong

● A development plan of the Fisheries sector in the period of 2001-2005 ***

● Continue to promote industrialization and modernization in Fisheries

Nguyen Thanh Hung

● Losses caused by flood to fisheries of provinces in the Me Kong River Delta and some solutions ***

● Quang Ninh Fisheries Export Company N°2 increasing during the years of "Doi moi"

Hong Quang

SCIENCE TECHNOLOGY

● Reduction in loss to quantity of squid under process of freezing preservation by using chemical method

Le Van Khan

EXCHANGE OF OPINIONS

● Some issues in production of fisheries products in Vietnam

Le Sy Hai

● VAT for ice-water production and a tax refund of input applied in seafood processing factories is still irrational

To Van Vy

PROTECTION OF FISHERIES RESOURCE

FISHERIES EXTENSION

TRADE UNION ACTIVITIES

In tại Nhà in KH và CN Giấy phép xuất bản số: 214 XB/BC cấp ngày 11/5/1985 Giá 5.000đ